



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
THƯ VIỆN QUỐC HỘI

Luật Tổ chức Quốc hội Thủy Điện

Tài liệu sử dụng nội bộ

Phục vụ các cơ quan của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội

HÀ NỘI, THÁNG 10/2014

Copyright © 2014 TVQH

Bản quyền tài liệu thuộc về Thư viện Quốc hội.

Việc sử dụng mọi thông tin trong tài liệu phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bản quyền

Chương I

KỲ HỌP

Thời gian bầu cử Quốc hội

Điều 1

Các cuộc bầu cử Quốc hội thông thường được tổ chức vào tháng 9. Các điều khoản liên quan đến việc tổ chức các cuộc tổng tuyển cử bất thường được quy định tại Điều 11, Chương 3 và Điều 5, Chương 6 của Luật Tổ chức Nhà nước.

Thời điểm bắt đầu kỳ họp

Điều 2

Quốc hội triệu tập kỳ họp mới sau cuộc bầu cử vào ngày thứ mười lăm sau ngày bầu cử, nhưng không trước ngày thứ tư sau khi kết quả bầu cử được công bố, phù hợp với các nguyên tắc đặt ra trong Điều 10 Chương 3 của Luật Tổ chức Nhà nước.

Trong những năm không tổ chức các cuộc bầu cử thông thường, kỳ họp Quốc hội sẽ được khai mạc vào một ngày trong tháng Chín do Quốc hội quyết định tại kỳ họp trước theo đề nghị của Hội đồng Điều hành.

Trong trường hợp có một cuộc bầu cử bất thường được tuyên bố vào trước ngày khai mạc đã được lựa chọn thì kỳ họp vẫn được khai mạc vào ngày theo quy định ở đoạn 2 với điều kiện Quốc hội đã được triệu tập trước ngày cuối cùng của tháng Sáu theo kết quả của cuộc bầu cử này.

Một kỳ họp Quốc hội được kéo dài cho đến khi kỳ họp sau bắt đầu.

Điều 3

Báo cáo của Hội đồng xem xét bầu cử liên quan đến việc thẩm tra tư cách đại biểu thông qua giấy chứng nhận bầu cử của các đại biểu và đại biểu dự khuyết được trình bày tại phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ Quốc hội. Việc điểm danh các đại biểu sẽ được tiến hành sau đó. Quốc hội sẽ tiến hành bầu một Chủ tịch và các Phó chủ tịch Quốc hội theo quy định tại Điều 1, Chương 8 và Ủy ban đề cử theo quy định tại Điều 2, Chương 7 sau khi kết thúc việc điểm danh.

Tại các kỳ họp khác của Quốc hội, việc điểm danh các đại biểu sẽ được tiến hành vào phiên khai mạc.

Các báo cáo về việc thẩm tra tư cách đại biểu nhận được trong nhiệm kỳ bầu cử sẽ được trình bày ngay khi có thể.

Điều khoản bổ sung

1.3.1

Phiên họp toàn thể đầu tiên bắt đầu vào 11 giờ sáng.

Ban thư ký kỳ họp phải thông báo cho các đại biểu về thời gian khai mạc kỳ họp.

Khai mạc kỳ họp Quốc hội

Điều 4

Kỳ họp được chính thức khai mạc tại một phiên họp đặc biệt tại Hội trường không chậm hơn ngày họp thứ ba của kỳ họp. Trong phiên họp này, Nguyên thủ quốc gia sẽ tuyên bố khai mạc kỳ họp theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội. Trong trường hợp Nguyên thủ quốc gia không thể tham dự thì Chủ tịch Quốc hội sẽ tuyên bố khai mạc kỳ họp.

Trong phiên họp này, Thủ tướng Chính phủ sẽ đọc bài diễn văn về Chính sách của Chính phủ trừ trường hợp có lý do đặc biệt khác được viện dẫn.

Chủ tịch Quốc hội sẽ quyết định thủ tục tiến hành phiên họp này sau khi trao đổi với các Phó Chủ tịch Quốc hội.

Điều khoản bổ sung

1.4.1

Buổi khai mạc chính thức của kỳ họp sau cuộc bầu cử Quốc hội được tiến hành vào lúc 2 giờ chiều ngày thứ hai của kỳ họp hoặc nếu không vào cùng giờ của ngày đầu tiên của kỳ họp. Chủ tịch Quốc hội có quyền chỉ định thời gian khác.

Chủ tịch Quốc hội và Hội đồng Điều hành chỉ đạo công việc của Quốc hội

Điều 5

Chủ tịch Quốc hội hoặc một trong số các Phó Chủ tịch thay mặt cho Chủ tịch Quốc hội sẽ chỉ đạo các công việc của Quốc hội.

Hội đồng Điều hành thảo luận về việc tổ chức công việc của Quốc hội, chỉ đạo công việc hành chính của Quốc hội và quyết định các vấn đề quan trọng về chương trình hợp tác quốc tế của Quốc hội.

Hội đồng Điều hành bao gồm Chủ tịch Quốc hội giữ vai trò chủ tọa và mười thành viên khác được Quốc hội bổ nhiệm từ các đại biểu trong suốt nhiệm kỳ bầu cử.

Mỗi nhóm đảng trong Quốc hội (tương ứng với đảng nhận được ít nhất bốn phần trăm tổng số phiếu trên toàn Vương quốc trong cuộc bầu cử Quốc hội trước đó) sẽ bổ nhiệm một đại diện đặc biệt để thảo luận với Chủ tịch về các công việc của Quốc hội, phù hợp với các quy định được đặt ra trong đạo luật này.

Điều khoản bổ sung

1.5.1

Hội đồng Điều hành được triệu tập theo lệnh của Chủ tịch Quốc hội.

1.5.2

Trong trường hợp Chủ tịch không thể tham dự thì một trong số các Phó chủ tịch sẽ nắm giữ vai trò chủ tọa cuộc họp của Hội đồng Điều hành.

Quốc hội chỉ định 10 người dự bị cho các đại biểu được bầu của Hội đồng Điều hành. Vị trí của đại biểu vắng mặt sẽ được đảm nhận bởi người thay thế đến từ cùng một đảng. Mỗi nhóm đảng phái chỉ định một người thay thế cho đại diện đặc biệt của mình.

Các phiên họp của Hội đồng Điều hành là các phiên họp kín. Nếu Hội đồng muốn nhận thông tin từ một người không phải là thành viên của Hội đồng thì có thể triệu tập người này tham dự cuộc họp. Các Phó chủ tịch Quốc hội, những người là đại diện đặc biệt của các nhóm đảng phái không phải là thành viên của Hội đồng, và Tổng thư ký Quốc hội có thể tham gia vào cuộc thảo luận của Hội đồng.

Tạm dừng thực hiện nhiệm vụ đại biểu

Điều 8

Sau khi được xem xét các lý do, một đại biểu Quốc hội có thể được tạm thời ngừng thực hiện nhiệm vụ đại biểu của mình. Nếu một đại biểu Quốc hội nghỉ với thời hạn ít nhất một tháng thì trong suốt thời gian vắng mặt, nhiệm vụ do đại biểu đó đảm nhận sẽ được giao cho đại biểu dự khuyết.

Đơn xin nghỉ của đại biểu Quốc hội phải được Chủ tịch Quốc hội xem xét nếu thời hạn nghỉ là dưới một tháng, và được Quốc hội xem xét nếu thời hạn xin nghỉ dài hơn một tháng. Tuy nhiên, đơn xin nghỉ trên một tháng được đệ trình trong thời kỳ Quốc hội không họp thì sẽ được Chủ tịch Quốc hội xem xét.

Điều khoản bổ sung

1.6.1

Đơn xin nghỉ không thực hiện nhiệm vụ của một đại biểu Quốc hội phải ghi rõ lý do xin nghỉ. Đơn cũng phải nêu rõ thời hạn nghỉ cụ thể.

Triệu tập đại biểu dự khuyết tham dự

Điều 7

Khi một đại biểu dự khuyết thay thế cho Chủ tịch Quốc hội hoặc một đại biểu Quốc hội là một Bộ trưởng, theo các nguyên tắc được đặt ra tại Điều 13, Chương 4 Luật tổ chức Nhà nước, hoặc một đại biểu Quốc hội, theo các nguyên tắc được đặt ra tại Điều 6 nêu trên, Chủ tịch Quốc hội sẽ triệu tập đại biểu đó để tiếp nhận nhiệm vụ. Trong quá trình đó, Chủ tịch Quốc hội phải tuân thủ thứ tự sắp xếp giữa các đại biểu dự khuyết được xác định theo quy định của luật về bầu cử Quốc hội. Tuy nhiên, khi có những lý do đặc biệt thì Chủ tịch Quốc hội có thể không tuân theo thứ tự đã nêu.

Điều khoản bổ sung

1.7.1

Đại biểu dự khuyết thực hiện nhiệm vụ với tư cách đại biểu Quốc hội được nhận văn bản chứng thực về vấn đề này. Văn bản chứng thực phải chỉ rõ đại biểu Quốc hội được đại biểu dự khuyết thay thế và thời gian bắt đầu, kết thúc của việc thay thế này. Ngày kết thúc nhiệm vụ thay thế có thể được xác định bằng một văn bản riêng.

Chủ tịch Quốc hội có trách nhiệm thông báo cho Quốc hội khi một đại biểu dự khuyết thay thế một đại biểu và khi một đại biểu quay trở lại thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 8

Trong trường hợp đại biểu Quốc hội xin từ nhiệm thì đại biểu dự khuyết đang thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu này sẽ tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ cho tới khi một đại biểu Quốc hội mới được lựa chọn.

Hội nghị chủ tọa

Điều 9

Hội nghị chủ tọa thảo luận các vấn đề thuộc mối quan tâm chung về các hoạt động tại Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội và Ủy ban công tác của Liên minh Châu Âu.

Hội nghị chủ tọa bao gồm Chủ tịch Quốc hội giữ vai trò chủ tọa, và các Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội và Chủ nhiệm Ủy ban công tác của Liên minh Châu Âu.

Chương 2

PHIÊN HỌP QUỐC HỘI

Nhiệm vụ của Chủ tịch Quốc hội

Điều 1

Chủ tịch Quốc hội chủ tọa các phiên họp Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội không được tham gia ý kiến về nội dung của các vấn đề đang được thảo luận theo nghị trình của Quốc hội.

Điều khoản bổ sung

2.1.1

Khi chủ trì các phiên họp, một thư ký của Quốc hội sẽ hỗ trợ Chủ tịch Quốc hội.

Sự thay thế Chủ tịch Quốc hội

Điều 2

Chủ tịch Quốc hội có thể ủy quyền cho một Phó Chủ tịch Quốc hội tiến hành chủ trì một phiên họp.

Trong trường hợp Chủ tịch Quốc hội và tất cả các Phó Chủ tịch Quốc hội đều không thể tham dự được phiên họp thì đại biểu Quốc hội có thâm niên lâu nhất trong số những người có mặt sẽ chủ trì phiên họp. Trong trường hợp có hai hoặc nhiều hơn hai đại biểu có thời gian làm đại biểu Quốc hội bằng nhau thì người nhiều tuổi nhất sẽ được lựa chọn. Thủ tục này cũng được áp dụng trong thời gian Chủ tịch Quốc hội và Phó Chủ tịch Quốc hội chưa được bầu chọn.

Quy định hạn chế quyền phát biểu của Chủ tịch Quốc hội tại Điều 1 cũng được áp dụng đối với bất kỳ đại biểu nào giữ quyền chủ tọa một phiên họp tại Hội trường.

Chỗ ngồi của các đại biểu tại Hội trường

Điều 3

Mỗi đại biểu Quốc hội có một chỗ ngồi riêng được xác định rõ tại Hội trường.

Điều khoản bổ sung

2.3.1

Các đại biểu Quốc hội được bố trí chỗ ngồi trong Hội trường theo khu vực bầu cử. Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các bộ trưởng có các chỗ ngồi đặc biệt trong Hội trường.

Các phiên họp công khai trước công chúng và các phiên họp kín

Điều 4

Quốc hội có thể quyết định việc tổ chức một phiên họp kín nếu cần thiết, trong trường hợp liên quan đến vấn đề an ninh của Vương quốc, hoặc vì các lý do khác liên quan đến mối quan hệ với các quốc gia khác hoặc các tổ chức quốc tế. Trường hợp Chính phủ công bố một chính sách tại một phiên họp thì Chính phủ cũng có thể quyết định việc tổ chức phiên họp đó dưới hình thức họp kín trên cơ sở các lý do tương tự như của Quốc hội.

Đại biểu Quốc hội hoặc nhân viên của Quốc hội không được tiết lộ bất kỳ điều gì đã diễn ra tại phiên họp kín nếu không được phép. Tuy nhiên, trong từng trường hợp cụ thể, Quốc hội cũng có thể quyết định hủy bỏ các nghĩa vụ bảo mật toàn bộ hoặc một phần nội dung phiên họp.

Điều khoản bổ sung

2.4.1

Trong Hội trường có một số chỗ ngồi đặc biệt dành cho công chúng. Bất kỳ công dân nào gây mất trật tự đều bị mời ra khỏi Hội trường ngay lập tức. Trong trường hợp xảy ra mất trật tự giữa các công dân, Chủ tịch Quốc hội có thể yêu cầu tất cả các công dân rời khỏi Hội trường.

Những người tham dự ở khu vực dành cho công chúng khi được yêu cầu phải gửi lại áo khoác ngoài, túi xách, các vật dụng tương tự và bất kỳ các vật dụng nào có thể gây ra các vụ lộn xộn trong thời gian ở trong tòa nhà Quốc hội. Bất kỳ người nào không thực hiện yêu cầu này thì không được phép giữ chỗ ngồi đặc biệt trong suốt thời gian tham dự phiên họp. Các điều khoản liên quan đến việc bảo đảm an ninh được quy định trong Luật về bảo an tại Quốc hội (SFS 1988:144).

Lệnh triệu tập phiên họp

Điều 5

Các phiên họp tại Hội trường được tổ chức theo triệu tập của Chủ tịch Quốc hội trừ các trường hợp khác theo quy định tại Luật Tổ chức Nhà nước hoặc theo quy định của luật này.

Lệnh triệu tập phải ghi rõ đó có phải là phiên họp toàn thể để xem xét các bản báo cáo của Ủy ban được đề trình hay không. Lệnh triệu tập được niêm yết tại tòa nhà Quốc hội không muộn hơn 6 giờ chiều vào ngày trước khi diễn ra phiên họp và ít nhất là mười bốn tiếng đồng hồ trước khi diễn ra phiên họp.

Tuy nhiên, trong những hoàn cảnh rất đặc biệt, lệnh triệu tập có thể được công bố muộn hơn. Trong những trường hợp này, phiên họp chỉ có thể diễn ra nếu hơn một phần hai số đại biểu Quốc hội đồng ý.

Điều khoản bổ sung

2.5.1

Chủ tịch Quốc hội quyết định hình thức công bố về các phiên họp của Quốc hội và các hoạt động khác của Quốc hội.

2.5.2

Thời điểm cuộc bầu cử được tổ chức phải được nêu trong các lệnh triệu tập.

Thời gian nghỉ làm việc

Điều 6

Sau khi trao đổi với Hội đồng Điều hành, Chủ tịch Quốc hội quyết định thời gian nghỉ của Quốc hội trong thời hạn một tuần hoặc trên một tuần trong thời gian diễn ra kỳ họp.

Nếu Chính phủ yêu cầu tổ chức một cuộc bầu cử bất thường thì theo yêu cầu của Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội có thể quyết định đình chỉ phiên họp trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ.

Chủ tịch Quốc hội có thể quyết định chấm dứt thời gian nghỉ giữa kỳ họp của Quốc hội. Quyết định này có thể được thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ hoặc của ít nhất của một trăm mười lăm đại biểu Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội sẽ triệu tập phiên họp toàn thể trong vòng mười ngày kể từ khi nhận được yêu cầu như vậy.

Điều khoản bổ sung

2.6.1

Thông báo về thời gian tiến hành phiên họp toàn thể đầu tiên được công bố sau khi có quyết định chấm dứt thời gian nghỉ làm việc của Quốc hội. Ban thư ký Quốc hội chịu trách nhiệm thông báo tới các đại biểu Quốc hội về thời gian của cuộc họp này.

Chương trình nghị sự

Điều 7

Chủ tịch Quốc hội chuẩn bị chương trình nghị sự cho mỗi phiên họp, liệt kê tất cả các vấn đề được đưa ra xem xét tại Hội trường. Có thể có các ngoại lệ khi các vấn đề được đưa ra xem xét tại các phiên họp kín.

Chương trình nghị sự phải ghi rõ phiên họp có phải là phiên toàn thể có xem xét các báo cáo của các Ủy ban hay không.

Công việc phải được giải quyết tại phiên họp theo thứ tự mà nó xuất hiện trong chương trình nghị sự. Công việc bao gồm các cuộc bầu cử tại phiên họp.

Điều khoản bổ sung

2.7.1

Kiến nghị về việc tổ chức trưng cầu ý dân đối với một đạo luật cơ bản, việc bỏ phiếu bầu Thủ tướng theo quy định tại Điều 3, Chương 6 Luật Tổ chức Nhà nước, kiến nghị bổ nhiệm Thủ tướng mới hoặc kiến nghị về việc tuyên bố bất tín nhiệm phải được ghi vào những khoản mục đầu tiên trong chương trình nghị sự. Trong trường hợp có đồng thời những vấn đề như vậy, chúng được xếp lịch theo thứ tự đã ghi ở trên. Thứ tự này cũng được áp dụng đối với cuộc bỏ phiếu Thủ tướng và một kiến nghị về việc tuyên bố bất tín nhiệm, trừ khi Chủ tịch Quốc hội có quyết định khác.

Các công việc khác sẽ được đưa vào nghị trình theo trật tự dưới đây trừ khi Chủ tịch Quốc hội có các quyết định khác:

1. Các cuộc bỏ phiếu;
2. Các dự thảo luật của Chính phủ hoặc các thông tin bằng văn bản từ Chính phủ;
3. Các bản đệ trình và các báo cáo của các cơ quan của Quốc hội ngoài các Ủy ban của Quốc hội;

4. Các kiến nghị của cá nhân đại biểu Quốc hội;

5. Các tài liệu từ Liên minh châu Âu được đề cập trong Điều 5, 6 và 8, Chương 10; và

6. Báo cáo của các Ủy ban và các tuyên bố được đề cập trong Điều 5, 6 và 8, Chương 10, theo trật tự của các Ủy ban được quy định ở điều khoản bổ sung 4.2.1

2.7.2

Chương trình nghị sự chỉ ra một vấn đề sẽ được trình, được chuyển đến một Ủy ban, hoặc sẽ được thông qua. Một ghi chú đặc biệt phải được nêu thêm trong trường hợp Ủy ban hoặc Chủ tịch Quốc hội đề xuất rằng một vấn đề sẽ được thông qua trong một lần trình duy nhất.

2.7.3

Quy định liên quan đến các chú thích trong chương trình nghị sự đối với một số trường hợp đặc biệt được quy định tại các điều khoản bổ sung 2.10.1, 3.6.2, 5.1.2 và 6.1.2.

2.7.4

Chương trình nghị sự phải được công bố ở Hội trường hoặc nơi khác theo quyết định của Chủ tịch Quốc hội.

Chấm dứt và tạm hoãn phiên họp

Điều 8.

Trong quá trình làm việc Quốc hội có thể quyết định chấm dứt hoặc tạm hoãn một phiên họp mà không cần có sự thảo luận trước.

Đưa vấn đề ra quyết định

Điều 9

Trên cơ sở các kiến nghị đã được đưa ra trước đó, Chủ tịch Quốc hội đưa vấn đề ra quyết định. Nếu Chủ tịch Quốc hội xem xét thấy các kiến nghị trái với đạo luật cơ bản hoặc đạo luật này thì Chủ tịch Quốc hội sẽ từ chối đưa vấn đề ra quyết định, và phải nêu rõ các lý do cho quyết định này. Tuy nhiên, trong trường hợp Quốc hội vẫn yêu cầu, Chủ tịch Quốc hội sẽ chuyển vấn đề tới Ủy ban về Hiến pháp để quyết định. Chủ tịch Quốc hội không thể từ chối đưa vấn đề ra quyết định nếu Ủy ban Hiến pháp đã tuyên bố kiến nghị không vi phạm đạo luật cơ bản và Luật tổ chức Quốc hội.

Các nội dung quy định ở đoạn 1 liên quan đến việc xem xét tính hợp hiến của một kiến nghị sẽ không được áp dụng trong việc xem xét liệu quy định ở đoạn 1, Điều 22, Chương 2 Luật Tổ chức Nhà nước có được áp dụng đối với một dự thảo luật cụ thể.

Quyền được phát biểu

Điều 10

Trong phiên họp Quốc hội, tất cả các đại biểu Quốc hội và tất cả các Bộ trưởng có quyền tự do phát biểu về tất cả các vấn đề đang được xem xét và về tính hợp pháp của mọi vấn đề diễn ra ở Hội trường, trừ các trường hợp Luật này có quy định khác.

Nguyên thủ quốc gia có thể đọc các bản thông điệp trước Quốc hội.

Sau khi trao đổi với các đại diện đặc biệt của các nhóm đảng phái, Chủ tịch Quốc hội có thể quyết định cho phép tranh luận tại phiên họp ở Hội trường về một vấn đề không liên quan đến các nội dung đang được Quốc hội xem xét. Các cuộc tranh luận như thế có thể bị giới hạn trong một nội dung cụ thể hoặc được phân chia tùy theo từng chủ đề.

Điều khoản bổ sung

2.10.1

Thông báo về cuộc tranh luận theo quy định ở đoạn 3, Điều 10 sẽ được ghi vào chương trình nghị sự của phiên họp.

Tuyên bố không đủ tư cách

Điều 11

Không cá nhân nào được tham dự một phiên họp toàn thể khi một vấn đề liên quan đến cá nhân hoặc liên quan đến đồng nghiệp thân cận của người đó được đưa ra thảo luận. Tuy nhiên, một vị Bộ trưởng có thể tham gia cuộc thảo luận về các nội dung liên quan đến quá trình thực thi nhiệm vụ của mình.

Hạn chế quyền tự do phát biểu

Điều 12

Trong phiên họp Quốc hội, không ai được phép phát biểu một cách không thích hợp về người khác, sử dụng ngôn ngữ xúc phạm cá nhân, hoặc các biểu hiện khác bằng hành động hay bằng lời nói trái với nội quy.

Một người có quyền phát biểu ý kiến sẽ bị hạn chế phần tham luận của mình về vấn đề đang tranh luận. Bất kỳ đại biểu nào vi phạm các yêu cầu được quy định

ở đoạn 1 hoặc 2 và không tuân theo sự nhắc nhở của Chủ tịch Quốc hội thì Chủ tịch Quốc hội có thể tước quyền phát biểu của vị đó trong suốt phần còn lại của cuộc tranh luận.

Sắp xếp các cuộc thảo luận

Điều 13

Chủ tịch Quốc hội phải tham khảo ý kiến của các đại diện đặc biệt của các nhóm đảng liên quan đến việc sắp xếp các cuộc thảo luận của Quốc hội.

Giới hạn quyền được phát biểu

Điều 14

Quốc hội có thể quy định giới hạn về số lượng tham luận mà một đại biểu có thể thực hiện trong suốt quá trình thảo luận về một vấn đề và thời gian của những tham luận đó trong một điều khoản bổ sung của Luật Tổ chức Quốc hội.

Từng loại diễn giả có thể có các mức giới hạn khác nhau, ví dụ các bộ trưởng và người phát ngôn cho ý kiến của đa số hoặc thiểu số thành viên của một ủy ban, hoặc những người phát ngôn cho một nhóm đảng phái, và giữa các diễn giả đã đưa ra thông báo trước phiên họp về dự định phát biểu và những diễn giả không thực hiện việc này.

Đặc biệt, việc giới hạn quyền phát biểu cũng có thể được Quốc hội khi thông qua thảo luận về một vấn đề cụ thể theo đề xuất của Chủ tịch Quốc hội. Quyết định sẽ được đưa ra mà không có thảo luận trước.

Tuy nhiên, mỗi người và mọi người mong muốn được phát biểu sẽ có quyền được phát biểu trong ít nhất bốn phút.

Điều khoản bổ sung

2.14.1

Đại biểu Quốc hội muốn phát biểu tại cuộc tranh luận ở Hội trường phải thông báo cho Ban Thư ký Quốc hội khi có điều kiện nhưng không được muộn hơn 4 giờ 30 phút chiều của ngày trước phiên họp mà cuộc tranh luận sẽ bắt đầu. Các thông báo phải ghi rõ thời lượng dự kiến của bài phát biểu tham gia vào cuộc tranh luận.

Một tham luận của đại biểu không đưa ra thông báo trước theo đoạn 1 sẽ bị giới hạn trong thời gian là bốn phút trừ khi Chủ tịch Quốc hội nhận thấy có những lý do để kéo dài.

Thời gian phát biểu thêm của một đại biểu đã được phát biểu về cùng một vấn đề cụ thể trong cuộc thảo luận được giới hạn trong thời gian hai phút.

Các quy định được ghi ở đoạn một, hai và ba không áp dụng đối với việc trả lời các câu hỏi hay giải thích vấn đề.

2.14.2

Chủ tịch Quốc hội sẽ quyết định thời lượng của các tham luận trong một cuộc thảo luận được thu xếp đặc biệt theo đoạn 3, Điều 10, sau khi đã hội ý với các đại diện đặc biệt của các nhóm đảng.

Thứ tự của các diễn giả

Điều 15

Chủ tịch Quốc hội sẽ quyết định thứ tự các diễn giả trong số những người đưa ra thông báo trước cuộc thảo luận về một vấn đề cụ thể rằng họ mong muốn được phát biểu. Các đại biểu xin phép được phát biểu trong khi cuộc tranh luận đang diễn ra sẽ được sắp xếp theo thứ tự họ gửi thông báo đến Chủ tịch Quốc hội.

Không phân biệt thứ tự của các diễn giả, và không cần thông báo trước, Chủ tịch Quốc hội có thể:

1. trao quyền phát biểu cho một Bộ trưởng không phát biểu trước đó;
2. trao quyền phát biểu cho một Bộ trưởng hoặc một đại biểu mà trước đó đã phát biểu vì mục đích đáp lại lời phát biểu nhằm củng cố thông tin hoặc sửa chữa những nhận xét của một đại biểu trước đó, hoặc để bác bỏ một lời cáo buộc của diễn giả trước.

Điều khoản bổ sung

2.15.1

Không tính đến thứ tự phát biểu, và không cần phải đưa ra thông báo trước, một Bộ trưởng đã không phát biểu trước đó trong cuộc thảo luận về một vấn đề cụ thể có thể được trao cho quyền phát biểu trong thời gian không quá mười phút.

Thời gian của lời đáp lại không được vượt quá hai phút trừ khi được Chủ tịch Quốc hội cho phép kéo dài tới bốn phút dựa trên những lý do đặc biệt. Mỗi người được phép tham gia đối đáp hai lần trong cùng một vấn đề. Trong trường hợp Chủ tịch Quốc hội cho phép một đại biểu thực hiện lời đối đáp, người này được phép thực hiện lời đáp lại trước khi một Bộ trưởng can thiệp vào thứ tự phát biểu.

2.15.2

Không tính đến thứ tự phát biểu, một đại biểu có thể bày tỏ sự nhất trí của mình đối với người phát biểu liền trước mình trong quá trình thảo luận mà không cần nói rõ lý do.

2.15.3

Một đại biểu sẽ phát biểu ý kiến trước Hội trường tại bục phát biểu hoặc từ vị trí của mình tại Hội trường. Tuy nhiên, Chủ tịch Quốc hội có thể chỉ định một vị trí khác trong Hội trường.

Biên bản

Điều 16

Tiến trình hoạt động ở Hội trường sẽ được lưu giữ trong một biên bản đúng nguyên văn. Tất cả các ý kiến phát biểu đều phải được ghi vào biên bản. Một quyết định sẽ không thể bị thay đổi sau khi biên bản đã được thông qua.

Biên bản phiên họp ở Hội trường và các tài liệu liên quan sẽ được công bố dưới hình thức bản in trừ khi cần phải được giữ bí mật theo các quy định đặc biệt.

Điều khoản bổ sung

2.16.1

Một tuyên bố tại Hội trường phải được ghi lại dưới dạng tốc ký, chuyển tải lại và có ngay tại Ban thư ký của Quốc hội mà không được chậm trễ. Nếu người nào đã phát biểu không có phản nản về biên bản cho đến 12 giờ trưa ngày làm việc thứ ba tiếp sau phiên họp được ghi biên bản, không kể ngày thứ Bảy, thì người đó được coi là đã chấp nhận biên bản đó. Nếu người nào đã phát biểu có sửa đổi biên bản thì phải ký hoặc ghi những chữ cái đầu tiên của tên mình vào đó.

2.16.2

Biên bản sẽ được Quốc hội xác nhận tại phiên họp ở Hội trường vào ngày làm việc thứ năm sau phiên họp được ghi biên bản nếu Quốc hội họp phiên toàn thể vào ngày đó, hoặc nếu không họp vào ngày đó thì được xác nhận vào ngày họp tiếp theo.

Những biên bản không thể xác nhận tính chính xác theo quy định ở đoạn một trong vòng một tháng sẽ được xác nhận vào thời gian do Chủ tịch Quốc hội xác định. Biên bản được thông qua trước sự có mặt của các đại biểu Quốc hội tham dự phiên họp.

Tại phiên họp thông qua biên bản, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu đính chính một bài phát biểu ghi trong biên bản đã được thành viên khác chấp nhận theo quy định ở khoản 2.16.1.

Chương 3

TRÌNH VẤN ĐỀ

Các dự thảo luật của Chính phủ

Điều 1

Chính phủ đệ trình các kiến nghị tới Quốc hội thông qua các Dự thảo luật của Chính phủ.

Các Dự thảo luật của Chính phủ phải luôn kèm theo các biên bản của Chính phủ về vấn đề đó, dựa trên sự chuẩn bị về nội dung vấn đề và mục đích của việc trình về kiến nghị. Các dự thảo luật chứa đựng các kiến nghị lập pháp phải bao gồm ý kiến của Hội đồng Pháp chế, nếu có.

Điều khoản bổ sung

3.1.1

Một dự thảo luật của Chính phủ được Chính phủ chuyển tới Quốc hội thông qua Ban Thư ký Quốc hội. Nó sẽ được Chủ tịch Quốc hội thông báo tại phiên họp tại Hội trường sau khi các bản sao được chuyển tới các đại biểu Quốc hội.

Dự thảo Ngân sách

Điều 2

Năm ngân sách được bắt đầu vào ngày mùng Một tháng Một. Trước đó, Chính phủ phải trình Dự thảo trong đó nêu rõ các kiến nghị liên quan đến các khoản thu và chi của Nhà nước trong năm ngân sách (Dự thảo Ngân sách).

Dự thảo Ngân sách phải bao gồm một tuyên bố về ngân sách và một kiến nghị liên quan đến ngân sách. Nếu Quốc hội đã thông qua việc phân bổ các khoản mục chi tiêu theo quy định ở Điều 12, Chương 5 thì Dự thảo Ngân sách phải bao gồm việc phân bổ các khoản ngân sách cho các lĩnh vực chi tiêu theo xác định của Quốc hội.

Dự thảo luật liên quan đến các khoản thu và khoản chi của Nhà nước cho năm ngân sách tiếp theo chỉ có thể được đệ trình tiếp sau Dự thảo Ngân sách nếu Chính phủ cho rằng có những lý do về chính sách kinh tế quan trọng.

Dự thảo luật có các kiến nghị về việc tăng các khoản phân bổ ngân sách mới hoặc các khoản ngân sách đặc biệt, hoặc các hướng dẫn theo quy định ở Điều 6, Chương 9 Luật tổ chức Nhà nước cho các hoạt động của Nhà nước nằm ngoài giai đoạn phân bổ cho những hoạt động có liên quan, sẽ phải ghi rõ các đánh giá ước lượng các khoản chi phí tương lai có liên quan đến hoạt động mà kiến nghị đề cập đến. Trong trường hợp một kiến nghị có liên quan đến một khoản cấp ngân sách dựa trên kế hoạch được thực hiện trong một chu kỳ dài hơn chu kỳ mà khoản cấp ngân sách được dự tính trong Dự thảo, thì phải mô tả cụ thể kế hoạch đó.

Điều khoản bổ sung

3.2.1

Dự thảo Ngân sách phải được đệ trình muộn nhất vào ngày 20 tháng 9 trong những năm không tiến hành bầu cử Quốc hội vào tháng 9. Trong các trường hợp khác, Dự thảo Luật Ngân sách phải được trình không muộn hơn một tuần sau khi khai mạc phiên họp Quốc hội. Nếu không thể thực hiện được vì sự thay đổi Chính phủ, Dự thảo Luật Ngân sách sẽ được đệ trình trong vòng mười ngày kể từ ngày mà Chính phủ mới được thành lập, nhưng không muộn hơn ngày 15 tháng 11.

3.2.2

Chính phủ sẽ đệ trình một dự thảo luật không muộn hơn ngày 15 tháng 4 hàng năm bao gồm các đề xuất về định hướng chính sách kinh tế và ngân sách tương lai (Dự thảo Chính sách Tài khóa mùa xuân).

3.2.3.

Các quy định chi tiết liên quan đến quy trình ngân sách được quy định tại Luật Ngân sách Quốc gia (SFS 1996:1059).

Số lần đệ trình các dự thảo luật

Điều 3

Theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, Quốc hội quyết định ngày muộn nhất mà các dự thảo luật theo Chính phủ là nên được đưa ra xem xét trong thời gian diễn ra kỳ họp hiện tại phải được đệ trình. Tuy nhiên nếu một ngày cụ thể đã được quy định trong Luật này, ngày đó sẽ được áp dụng.

Điều 4

Quyết định ở Điều 3 không được áp dụng trong các trường hợp:

- Đối với các Dự án, mà theo quy định của luật, Chính phủ muốn được Quốc hội chấp thuận một văn bản pháp quy đã được ban hành;

- Khi Chính phủ tìm thấy những lý do đặc biệt để đệ trình Dự án vào một ngày muộn hơn.

Điều 5

Trong khả năng có thể, Chính phủ cần đệ trình các Dự án vào những thời điểm để không gây nên sự chông chát công việc ở Quốc hội. Chính phủ có trách nhiệm tham khảo ý kiến của Chủ tịch Quốc hội về vấn đề này.

Thông báo bằng văn bản và bằng lời từ Chính phủ

Điều 6

Chính phủ có thể gửi thông báo tới Quốc hội bằng văn bản hoặc bằng lời thông qua một vị Bộ trưởng ở một phiên họp toàn thể của Quốc hội.

Điều khoản bổ sung

3.6.1

Thông báo bằng văn bản được chuyển tới Ban thư ký của Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội sẽ thông báo về nội dung văn bản này tại phiên họp sau khi các bản sao văn bản đã được chuyển tới các đại biểu Quốc hội.

3.6.2

Trong trường hợp một vị Bộ trưởng có dự định chuyển một thông báo bằng lời tới Quốc hội tại phiên họp toàn thể thì thông báo về vấn đề đó phải được ghi trong lịch trình nghị sự của phiên họp có liên quan.

3.6.3

Hàng năm, Chính phủ có trách nhiệm báo cáo trước Quốc hội bằng văn bản chậm nhất vào ngày mùng 1 tháng 3 về công việc của các Ủy ban do Chính phủ thành lập.

Sáng kiến của Ủy ban

Điều 7

Một Ủy ban của Quốc hội có quyền đệ trình các kiến nghị trước Quốc hội về bất cứ vấn đề nào thuộc thẩm quyền của mình. Sáng kiến của Ủy ban được thực hiện dưới hình thức một báo cáo của Ủy ban.

Vì mục đích thực hiện các chính sách kinh tế, Ủy ban Tài chính có quyền đệ trình các kiến nghị trước Quốc hội về các vấn đề thuộc thẩm quyền của các Ủy ban khác.

Các bản đề trình và báo cáo từ các cơ quan của Quốc hội

Điều 8

Hội đồng Điều hành của Quốc hội, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Ngân hàng Trung ương Thụy Điển, Thanh tra Quốc hội và Tổng kiểm toán có thể đề trình lên Quốc hội những vấn đề về thẩm quyền, tổ chức, nhân sự hoặc quy trình làm việc của cơ quan có liên quan.

Quốc hội cũng có thể cho phép Hội đồng Điều hành của Quốc hội, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Ngân hàng Trung ương Thụy Điển và Thanh tra Quốc hội có quyền đề trình lên Quốc hội trong các trường hợp khác.

Các điều khoản đặc biệt liên quan đến báo cáo của một cơ quan của Quốc hội lên Quốc hội không phải là một Ủy ban được quy định theo luật.

Các quy định tại đoạn một cũng được áp dụng cho mỗi một Tổng kiểm toán thuộc Văn phòng kiểm toán Quốc gia. Các điều khoản cụ thể liên quan đến những bản đề trình này được quy định trong luật kèm hướng dẫn cho Văn phòng kiểm toán Quốc gia (SFS 2002:1023).

Điều khoản bổ sung

3.8.1

Bản đề trình hoặc báo cáo từ một cơ quan của Quốc hội sẽ được gửi tới Ban thư ký Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội thông báo về văn bản này tại phiên họp toàn thể sau khi các bản sao văn bản đã được gửi tới các đại biểu Quốc hội.

3.8.2

Hội đồng Điều hành của Quốc hội có thể đề trình các kiến nghị trước Quốc hội về các vấn đề liên quan đến việc tiến hành các công việc của Quốc hội hoặc các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng. Trong các trường hợp khác, Hội đồng cũng được quyền trình lên Quốc hội các kiến nghị về các vấn đề liên quan đến Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội nếu các kiến nghị này dựa trên các báo cáo của các ban do Hội đồng thành lập theo chỉ đạo của Quốc hội.

3.8.3

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Ngân hàng Trung ương Thụy Điển có thể đề trình trước Quốc hội các kiến nghị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

3.8.4

Chánh Thanh tra Quốc hội và các Thanh tra viên cơ quan Thanh tra Quốc hội có thể đệ trình Quốc hội các kiến nghị liên quan đến một vấn đề phát sinh trong phạm vi hoạt động giám sát của mình. Các điều khoản bổ sung liên quan đến việc đệ trình này được quy định trong luật kèm Hướng dẫn cho Cơ quan Thanh tra Quốc hội (SFS 1986:765).

3.8.5

Mỗi một Tổng kiểm toán cũng có thể trình Quốc hội các kiến nghị dựa trên các báo cáo kiểm toán liên quan đến quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, của Ngân hàng Trung ương và Quỹ Ba trăm năm của Ngân hàng.

Báo cáo kiểm toán từ các Tổng kiểm toán

Điều 8a

Mỗi Tổng kiểm toán có trách nhiệm chuyển tới Quốc hội các báo cáo kiểm toán của mình về hoạt động kiểm toán.

Các Tổng kiểm toán có trách nhiệm chuyển báo cáo hàng năm với những nhận xét quan trọng nhất về hoạt động kiểm toán tới Quốc hội.

Điều khoản bổ sung

3.8a.1

Báo cáo kiểm toán và báo cáo hàng năm phải được chuyển tới Ban thư ký Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội thông báo về các báo cáo này tại phiên họp toàn thể sau khi các bản sao văn bản đã được chuyển tới các đại biểu Quốc hội.

3.8a.2

Báo cáo hàng năm phải được thể hiện bằng hình thức văn bản.

Kiến nghị của cá nhân các đại biểu

Điều 9

Các đại biểu Quốc hội đệ trình các đề xuất với Quốc hội bằng hình thức kiến nghị của cá nhân các đại biểu.

Các đề xuất về những vấn đề có bản chất khác nhau không được ghi trong cùng một kiến nghị của cá nhân các đại biểu.

Điều khoản bổ sung

3.9.1

Các kiến nghị của cá nhân đại biểu phải gửi đến Ban Thư ký Quốc hội không muộn hơn 4 giờ 30 phút chiều ngày cuối cùng dành cho việc đệ trình các kiến nghị. Các kiến nghị cá nhân phải ghi rõ thông tin về đảng mà đại biểu trình kiến nghị là đảng viên.

Các kiến nghị của cá nhân các đại biểu được Chủ tịch Quốc hội thông báo trước Quốc hội.

Thời hạn thông thường cho việc trình các kiến nghị của cá nhân các đại biểu

Điều 10

Các kiến nghị của cá nhân các đại biểu có thể được trình mỗi năm một lần về bất kỳ vấn đề gì thuộc thẩm quyền của Quốc hội (thời hạn thông thường để đệ trình các kiến nghị của cá nhân đại biểu).

Trừ khi Quốc hội có quyết định khác theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, thời hạn thông thường để trình các kiến nghị của cá nhân đại biểu bắt đầu từ khi khai mạc kỳ họp Quốc hội vào tháng 8, tháng 9 hoặc tháng 10 và kéo dài cho đến khi các kiến nghị của đại biểu được trình về các khoản mục của Dự thảo Ngân sách.

Kiến nghị của cá nhân các đại biểu phát sinh từ dự thảo luật của Chính phủ

Điều 11

Kiến nghị của cá nhân đại biểu phát sinh từ một Dự thảo luật của Chính phủ, một thông báo bằng văn bản của Chính phủ, bản đệ trình hoặc báo cáo từ một cơ quan của Quốc hội không phải là một Ủy ban có thể được đệ trình trong vòng 15 ngày kể từ ngày mà dự thảo luật, thông báo bằng văn bản, bản đệ trình hoặc báo cáo được thông báo tại Hội trường. Nếu một dự thảo luật hoặc bản đệ trình cần phải được giải quyết nhanh chóng và nếu có những lý do đặc biệt, Quốc hội có thể quyết định rút ngắn thời gian tiếp nhận các kiến nghị của cá nhân đại biểu, theo đề xuất của Chính phủ hoặc cơ quan trình của Quốc hội nơi thực hiện bản đệ trình. Trường hợp có những lý do đặc biệt và theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, Quốc hội có thể kéo dài thời hạn tiếp nhận các kiến nghị của cá nhân các đại biểu.

Điều khoản bổ sung

3.11.1

Các yêu cầu kéo dài thời hạn cho phép trình các kiến nghị của cá nhân đại biểu phải được đề đạt trước phiên họp thứ hai kể từ phiên họp mà Dự thảo luật, thông báo bằng văn bản, bản đề trình hoặc báo cáo được thông báo trước Quốc hội. Việc ra quyết định kéo dài thời hạn này phải được tiến hành trước phiên họp tiếp theo.

Các kiến nghị của cá nhân đại biểu phát sinh từ sự trì hoãn

Điều 12

Trường hợp việc xem xét một Dự thảo luật của Chính phủ, một thông báo bằng văn bản từ Chính phủ hoặc một bản đề trình hoặc báo cáo từ một cơ quan của Quốc hội không phải là một Ủy ban bị trì hoãn từ nhiệm kỳ Quốc hội này đến nhiệm kỳ tiếp theo thì các kiến nghị của cá nhân đại biểu phát sinh từ Dự thảo luật, thông báo bằng văn bản, bản đề trình hoặc báo cáo có thể được trình trong vòng bảy ngày kể từ khi nhiệm kỳ mới bắt đầu.

Các kiến nghị của cá nhân đại biểu phát sinh từ một sự kiện có tác động lớn

Điều 13

Các kiến nghị của cá nhân đại biểu phát sinh từ một sự kiện có tác động lớn có thể được đệ trình bởi ít nhất 10 đại biểu cùng kiến nghị, nếu đó là sự kiện không thể lường trước được hoặc không thể được tính đến trong thời hạn thông thường cho việc đệ trình các kiến nghị của cá nhân đại biểu, hoặc vào bất cứ thời điểm nào cho phép việc đệ trình các kiến nghị của cá nhân đại biểu theo quy định tại Chương này.

Thông báo về quyết định đình chỉ và ngoại lệ của việc trì hoãn

Điều 14

Ủy ban Hiến pháp phải đưa ra thông báo cho Quốc hội tại phiên họp toàn thể về các quyết định phê chuẩn cuối cùng về vấn đề liên quan đến các đạo luật cơ bản hoặc Luật Tổ chức Quốc hội nếu chúng đang bị trì hoãn qua cuộc bầu cử. Nếu theo quy định của Luật Tổ chức Nhà nước, thủ tục được quy định để sửa đổi một đạo luật cơ bản hoặc Luật Tổ chức Quốc hội phải được áp dụng cho các trường hợp khác thì quyết định về vấn đề đang bị trì hoãn phải được Ủy ban có thẩm quyền thẩm tra phải báo cáo trước Quốc hội.

Ủy ban Hiến pháp cũng phải báo cáo trước Quốc hội về các quyết định liên quan đến ngoại lệ của việc trì hoãn không đệ trình các kiến nghị được quy định tại Điều 14, Chương 8, Luật tổ chức Nhà nước.

Các văn kiện từ EU

Điều 14a

Sách xanh và sách trắng trình tới Quốc hội được Quốc hội xem xét theo quy định tại Điều 5, Chương 10. Quy trình tương tự cũng được áp dụng cho các văn kiện khác của Liên minh Châu Âu, trừ các dự thảo luật liên quan đến hoạt động lập pháp được xem xét theo cách thức do Chủ tịch Quốc hội quyết định sau khi tham khảo ý kiến của những đại diện đặc biệt của các nhóm đảng phái. Phù hợp với quy định của Điều 6, Chương 10, Quốc hội xem xét liệu các dự thảo luật liên quan đến hoạt động lập pháp có trái với các nguyên tắc phụ trợ hay không.

Theo cách thức được quy định tại Điều 8, Chương 10, Quốc hội có quyền chấp thuận hoặc bác bỏ các đề xuất của Hội đồng Châu Âu cho phép sửa đổi thủ tục ra quyết định đối với một vấn đề hoặc một trường hợp cụ thể từ nhất trí đến đa số đủ điều kiện hoặc từ một thủ tục lập pháp đặc biệt tới thủ tục lập pháp thông thường. Theo cách thức tương tự, Quốc hội có quyền chấp thuận hoặc từ chối các đề xuất từ Ủy ban Châu Âu nhằm cụ thể hóa các khía cạnh của luật gia đình có những hệ quả xuyên biên giới và có thể là đối tượng của các đạo luật được thông qua theo thủ tục lập pháp thông thường,

Các kiến nghị kêu gọi trưng cầu ý dân về một vấn đề pháp luật cơ bản hoặc tuyên bố bất tín nhiệm

Điều 15

Các kiến nghị kêu gọi tổ chức trưng cầu ý dân về các vấn đề pháp luật cơ bản hoặc tuyên bố bất tín nhiệm phải được đưa ra tại phiên họp toàn thể của Quốc hội. Kiến nghị phải được gửi bằng văn bản ngay sau khi nó được công khai.

Yêu cầu đồng ý truy tố hoặc tước quyền tự do

Điều 16

Trường hợp một công tố viên đề nghị Quốc hội đồng ý thực hiện một hành động pháp lý chống lại một đại biểu Quốc hội hoặc tước đoạt quyền tự do cá nhân của đại biểu đó theo quy định ở đoạn 1, Điều 12, Chương 4 Luật tổ chức Nhà nước thì Công tố viên phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Quốc hội. Thủ tục tương tự cũng được áp dụng nếu bất kỳ ai yêu cầu sự đồng ý của Quốc hội về việc khởi tố một đại biểu Quốc hội trên cơ sở những hành động của người này.

Nếu văn bản yêu cầu không đầy đủ cơ sở để Quốc hội xem xét hoặc nếu người yêu cầu không chứng minh được người đó có thẩm quyền đề cáo buộc hoặc yêu cầu áp dụng một hành động như vậy trước một cơ quan công quyền, Chủ tịch Quốc hội sẽ từ chối yêu cầu đó. Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Quốc hội phải thông báo vấn đề trước một phiên họp của Quốc hội.

Điều khoản bổ sung

3.16.1

Người yêu cầu cần nêu rõ trong văn bản các tình huống là căn cứ của việc đưa ra yêu cầu.

Sự rút lại

Điều 17

Một dự thảo luật của Chính phủ, một thông báo bằng văn bản từ Chính phủ, bản kiến nghị hoặc báo cáo từ một cơ quan của Quốc hội không phải là một ủy ban hoặc một bản kiến nghị của cá nhân đại biểu có thể được rút lại cho đến trước khi báo cáo về vấn đề này của một ủy ban được trình. Các Dự thảo luật bị đình hoãn trong thời gian ít nhất là 12 tháng theo quy định ở đoạn 1, Điều 22, Chương 2 Luật Tổ chức Nhà nước sẽ bị rút lại cho đến khi một báo cáo mới của một Ủy ban được trình theo quy định ở đoạn 4, Điều 9, Chương 4 Luật này.

Trong trường hợp một dự thảo luật, một thông báo bằng văn bản, một bản đề trình hay báo cáo bị rút lại, các kiến nghị của cá nhân đại biểu phát sinh từ Dự thảo luật, thông báo bằng văn bản, bản đề trình hay báo cáo liên quan cũng không còn hiệu lực.

Trường hợp các Dự thảo luật, thông báo bằng văn bản, bản đề trình hay báo cáo bị rút lại thì các kiến nghị của cá nhân đại biểu phát sinh từ việc rút lại đó có thể được trình trong vòng bảy ngày kể từ ngày việc rút lại đó được thông báo trước Quốc hội.

Điều khoản bổ sung

3.17.1

Việc rút lại một dự luật, một thông báo bằng văn bản, một bản đề trình hoặc một báo cáo phải được thể hiện bằng hình thức văn bản và được gửi đến Ban Thư ký Quốc hội. Việc rút lại một kiến nghị của cá nhân đại biểu sẽ được gửi bằng văn bản tới Ban thư ký Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội sẽ hủy bỏ các dự thảo luật, các thông báo bằng văn bản, các bản đề trình, báo cáo và các kiến nghị của cá nhân các đại biểu đã bị rút lại, hoặc đã mất hiệu lực do việc rút lại, và thông báo với Quốc

hội về việc này. Nếu dự thảo luật, thông báo bằng văn bản, bản đề trình, báo cáo hay kiến nghị của cá nhân đại biểu đã được chuyển tới một Ủy ban thì Ủy ban đó phải được thông báo về việc bị hủy bỏ này.

Tính toán các giới hạn thời gian theo luật định

Điều 18

Các quy định được áp dụng chung để tính toán các giới hạn thời gian theo quy định của pháp luật cũng được áp dụng đối với các giới hạn thời gian để thực hiện hoạt động theo quy định của Chương này.

Chương 4

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

Công tác chuẩn bị và thẩm tra bắt buộc

Điều 1

Các Dự thảo luật của Chính phủ, các thông báo bằng văn bản từ Chính phủ, các bản đề trình hay báo cáo từ một cơ quan của Quốc hội ngoài các Ủy ban và các kiến nghị của cá nhân đại biểu Quốc hội sẽ được chuyển cho một Ủy ban để thẩm tra và chuẩn bị. Các đơn yêu cầu sự cho phép việc truy tố hoặc tước quyền tự do đã được Chủ tịch Quốc hội thông báo trước Quốc hội theo quy định tại Điều 16, Chương 3 cũng được áp dụng tương tự.

Trước khi được chuyển tới một Ủy ban để thẩm tra và chuẩn bị, một vấn đề phải được trình tại một phiên họp của Quốc hội, trừ khi Quốc hội quyết định chuyển ngay lập tức.

Các Ủy ban của Quốc hội

Điều 2

Trong mỗi nhiệm kỳ, Quốc hội thành lập Ủy ban Hiến pháp, Ủy ban Tài chính, Ủy ban Thuế vụ và một số lượng thích hợp các Ủy ban khác với các thành viên được bầu trong số các đại biểu Quốc hội. Việc bầu chọn có giá trị cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ.

Trong nhiệm kỳ bầu cử, Quốc hội cũng có thể thành lập bổ sung các Ủy ban để thực hiện các công việc trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ.

Điều khoản bổ sung

4.2.1

Quốc hội sẽ thành lập 15 Ủy ban sau đây không muộn hơn ngày thứ tám sau phiên họp toàn thể đầu tiên tại Hội trường trong mỗi nhiệm kỳ Quốc hội:

1. Ủy ban Hiến pháp;
2. Ủy ban Tài chính;
3. Ủy ban Thuế vụ;
4. Ủy ban Tư pháp ;
5. Ủy ban các vấn đề Dân sự;
6. Ủy ban Đối ngoại;
7. Ủy ban Quốc phòng;
8. Ủy ban Bảo hiểm Xã hội;
9. Ủy ban Y tế và Phúc lợi;
10. Ủy ban Các vấn đề Văn hóa;
11. Ủy ban Giáo dục;
12. Ủy ban Giao thông và truyền thông;
13. Ủy ban Môi trường và Nông nghiệp;
14. Ủy ban Công nghiệp và Thương mại;
15. Ủy ban Thị trường Lao động;

Các Ủy ban được bầu chọn theo đúng trình tự như danh sách đã nêu.

4.2.2

Trong trường hợp Quốc hội thành lập bổ sung các Ủy ban thì Quốc hội phải quy định rõ các trách nhiệm cơ bản của chúng.

Số lượng các thành viên trong một Ủy ban

Điều 3

Mỗi Ủy ban có số thành viên là số lẻ và có không ít hơn 15 thành viên.

Điều khoản bổ sung

4.3.1

Quy mô của các Ủy ban được Quốc hội xác định theo đề nghị của Ủy ban Đề cử.

Trách nhiệm của Ủy ban Hiến pháp

Điều 4

Ủy ban Hiến pháp có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến các đạo luật cơ bản và Luật Tổ chức Quốc hội. Các quy định về trách nhiệm của Ủy ban Hiến pháp được quy định tại Điều 22, Chương 2; Điều 14, Chương 8; và Điều 1, Chương 13 của Luật tổ chức Nhà nước; và trong Điều 9, Chương 2; Điều 14, Chương 3; Điều 11, Chương 4; Điều 1 và 4, Chương 6; Điều 11 và 13, Chương 8; Điều 8, Chương 9; Điều 6, Chương 10 và các điều khoản bổ sung 4.6.1; 5.4.1; 8.4.1; 8.5.1; 8.11.1; 8.11.2; và 8.12.1 của Luật này.

Trách nhiệm của Ủy ban Tài chính và Ủy ban Thuế vụ

Điều 5

Ủy ban Tài chính có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Định hướng chung cho chính sách kinh tế và việc quyết định ngân sách quốc gia; và
2. Các hoạt động của Ngân hàng Trung ương Thụy điển.

Nếu Quốc hội thông qua việc phân bổ các khoản thu và chi của Nhà nước theo quy định tại Điều 12, Chương 5 thì Ủy ban Tài chính cũng có trách nhiệm chuẩn bị các đề xuất cho các mức chi, và dự thảo ước lượng các khoản thu của Nhà nước. Các quy định liên quan đến trách nhiệm của Ủy ban tài chính được nêu trong Điều 5, Chương 9 Luật tổ chức Nhà nước; và Điều 7, Chương 3; Điều 8, Chương 4; Điều 8, Chương 9; và các Điều khoản bổ sung 4.6.2; 4.9.1; và 8.7.1 của Luật này.

Ủy ban Thuế vụ có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến các khoản thuế của Chính quyền Trung ương và địa phương. Các quy định liên quan đến trách nhiệm của Ủy ban Thuế vụ cũng được nêu trong các Điều khoản bổ sung 4.6.3 của Luật này.

Sự phân chia vấn đề giữa các Ủy ban

Điều 6

Quốc hội sẽ quy định các nguyên tắc mà theo đó các vấn đề sẽ được phân chia cho các Ủy ban. Theo đó, các vấn đề thuộc lĩnh vực do một Ủy ban phụ trách thì sẽ được chuyển đến Ủy ban đó xem xét. Tuy nhiên, Quốc hội cũng có thể quyết định một Ủy ban được chuẩn bị các vấn đề liên quan đến việc ban hành các đạo luật được quy định tại đoạn 1 Điều 2, Chương 8, Luật Tổ chức Nhà nước mà không phụ thuộc vào phạm vi vấn đề.

Quốc hội có thể không thực hiện theo các nguyên tắc đã được thiết lập từ trước và từ Điều 5 nếu xét thấy cần thiết trong trường hợp cụ thể, có tính đến sự phụ thuộc lẫn nhau của các vấn đề khác nhau, bản chất cụ thể của một vấn đề hoặc các điều kiện làm việc. Một Ủy ban có thể chuyển một vấn đề tới một Ủy ban khác theo điều kiện được nêu trong đoạn hai nếu Ủy ban được chuyển đồng ý. Ủy ban chuyển có thể đưa ra ý kiến về vấn đề này cho Ủy ban nhận.

Điều khoản bổ sung

4.6.1

Ủy ban về Hiến pháp có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. việc ban hành pháp luật trong các lĩnh vực mang tính hiến pháp và hành chính chung;
2. việc ban hành pháp luật liên quan đến phát thanh, truyền hình và điện ảnh;
3. quyền tự do bày tỏ, tạo lập ý kiến công chúng và quyền tự do thờ cúng;
4. việc hỗ trợ tài chính cho báo chí và các đảng phái chính trị;
5. Văn phòng Kiểm toán Quốc gia, liên quan đến cuộc bầu cử Tổng kiểm toán, bãi nhiệm một Tổng kiểm toán và việc truy tố một Tổng kiểm toán;
6. Quốc hội, các cơ quan thuộc Quốc hội nói chung, ngoại trừ Ngân hàng Trung ương Thụy Điển;
7. hành chính nhà nước và việc phân chia đất nước thành các đơn vị hành chính;
8. chính quyền tự quản ở địa phương; và

9. sự chấp thuận của Quốc hội về việc truy tố một đại biểu Quốc hội hoặc can thiệp vào quyền tự do cá nhân của một đại biểu Quốc hội.

Các vấn đề liên quan đến chuẩn chi trong phạm vi các khoản chi mục số 1 về Quản trị do Ủy ban Hiến pháp chuẩn bị.

4.6.2

Ủy ban Tài chính có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. chính sách tiền tệ, tín dụng, tài chính và các khoản nợ của chính phủ trung ương;

2. thị trường tài chính và tín dụng;

3. thị trường bảo hiểm thương mại;

4. Văn phòng Kiểm toán Quốc gia, trong phạm vi các vấn đề không thuộc phạm vi chuẩn bị của Ủy ban Hiến pháp;

5. tài chính của chính quyền địa phương;

6. Nhà nước với tư cách là người sử dụng lao động, thống kê quốc gia, kế toán, kiểm toán và hiệu quả quản lý hành chính;

7. tài sản Nhà nước và mua sắm công nói chung;

8. các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tài chính hành chính không liên quan đến một lĩnh vực cụ thể; và

9. các vấn đề ngân sách có tính chất kỹ thuật.

Ủy ban cũng có trách nhiệm kiểm tra dự toán các khoản thu của Nhà nước và điều phối ngân sách quốc gia.

Các vấn đề liên quan đến việc phân bổ các khoản chi thuộc mục 2 về Kinh tế và quản lý tài chính; mục 25 về Các khoản tài trợ chung cho chính quyền địa phương; mục 26 về Lãi suất các khoản nợ của Chính phủ trung ương, v.v...; và mục 27 về Đóng góp cho Liên minh Châu Âu được Ủy ban Tài chính chuẩn bị.

4.6.3

Ủy ban Thuế vụ có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. đánh giá các khoản thuế và thu thuế;
2. đăng ký nhân khẩu; và
3. cơ quan thi hành.

Ủy ban Thuế vụ cũng phải chuẩn bị các vấn đề liên quan đến các khoản phân bổ ngân sách trong mục 3 về Thuế, thuế hải quan và việc thi hành.

4.6.4

Ủy ban Tư pháp có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Tòa án,
2. Các cơ quan tài phán về cho thuê tài sản;
3. Cơ quan công tố;
4. Cơ quan cảnh sát;
5. Giám định pháp y;
6. Hệ thống chăm sóc và cải tạo;

7. Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự và các đạo luật thay thế hoặc có liên hệ chặt chẽ với các quy định ở các đạo luật này.

Ủy ban Tư pháp cũng phải chuẩn bị về các vấn đề liên quan đến các khoản phân bổ ngân sách trong mục 4 về Tư pháp.

4.6.5

Ủy ban Các vấn đề dân sự có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Luật Hôn nhân, Luật về Cha mẹ, Luật Thừa kế, Luật Thương mại, Luật đất đai và các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ, và các đạo luật thay thế hoặc liên quan đến các điều khoản được quy định trong các đạo luật này trong phạm vi không thuộc thẩm quyền xem xét của Ủy ban khác;

2. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm;
3. Pháp luật doanh nghiệp và các hiệp hội;
4. Pháp luật về vi phạm dân sự;

5. Pháp luật giao thông;
6. Pháp luật phá sản;
7. Chính sách tiêu dùng;
8. Pháp luật tư pháp quốc tế;
9. Việc ban hành các đạo luật liên quan đến các vấn đề khác có bản chất tư pháp nói chung;
10. Chính sách nhà ở;
11. Quyền sử dụng nước;
12. Quy hoạch phát triển đất;
13. Xây dựng và các công trình xây dựng;
14. Kế hoạch phát triển thể chất; và
15. Việc tước quyền sở hữu, sự hình thành các khối tài sản và khảo sát đất đai.

Ủy ban Các vấn đề dân sự cũng phải chuẩn bị các vấn đề liên quan đến các khoản phân bổ Ngân sách mục 18 về Quy hoạch cộng đồng, cung cấp nhà ở, chính sách xây dựng và tiêu dùng.

4.6.6

Ủy ban Đối ngoại có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Các mối quan hệ và các hiệp định của Vương quốc với các nước khác và các tổ chức quốc tế;
2. Viện trợ phát triển cho các nước khác; và
3. Thương mại quốc tế và hợp tác kinh tế quốc tế;

Trong chừng mực các vấn đề này phải không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Ủy bản nào khác.

Ủy ban Đối ngoại cũng chuẩn bị các vấn đề liên quan đến các khoản phân bổ ngân sách mục 5 về Hợp tác quốc tế, và mục 7 Hợp tác phát triển quốc tế.

4.6.7

Ủy ban Quốc phòng có trách nhiệm chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Quốc phòng và phòng vệ dân sự;
2. Các cơ quan cứu hộ và cứu nạn;
3. Các biện pháp giảm thiểu thương tổn của xã hội;
4. An toàn hạt nhân và bảo vệ chống lại bức xạ; và
5. Các cơ quan cứu hộ hàng hải và bảo vệ bờ biển, trong chừng mực các vấn đề này phải không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Ủy ban nào khác.

Ủy ban Quốc phòng cũng phải chuẩn bị các vấn đề liên quan đến các khoản phân bổ ngân sách mục 6 về Quốc phòng và các biện pháp dự phòng.

4.6.8

Ủy ban Bảo hiểm Xã hội có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Bảo hiểm quốc gia;
2. Các khoản lương hưu;
3. Bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp;
4. Hỗ trợ về tài chính cho gia đình có trẻ em;
5. Tư cách công dân Thụy điển; và
6. Vấn đề người nhập cư.

Ủy ban Bảo hiểm Xã hội cũng phải thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến việc phân bổ ngân sách theo mục 8 về Nhập cư; mục 10 về bảo đảm tài chính khi ốm đau và bệnh tật; mục 11 về Bảo đảm tài chính cho người già và mục 12 về Bảo đảm tài chính cho gia đình và trẻ em.

4.6.9

Ủy ban Y tế và Phúc lợi có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Việc chăm sóc trẻ em và thanh niên, trong chừng mực các vấn đề này phải không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Ủy ban nào khác;

2. Chăm sóc người có tuổi và người tàn tật;
3. Các biện pháp đấu tranh chống lạm dụng ma túy và rượu, các vấn đề liên quan đến dịch vụ xã hội.;
4. Các biện pháp chính sách về rượu;
5. Chăm sóc sức khỏe và y tế; và
6. Các vấn đề về phúc lợi xã hội nói chung.

Ủy ban về Y tế và Phúc lợi cũng phải chuẩn bị các vấn đề liên quan đến các khoản chi ngân sách theo mục 9 về Chăm sóc sức khỏe và y tế, các dịch vụ xã hội.

4.6.10

Ủy ban Các vấn đề văn hóa có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Các mục tiêu văn hóa và giáo dục nói chung;
2. Phổ cập giáo dục;
3. Các hoạt động của thanh niên;
4. Hợp tác văn hóa quốc tế;
5. Các hoạt động thể thao và hoạt động ngoài trời;
6. Các cộng đồng tôn giáo; trong chừng mực các vấn đề này phải không thuộc thẩm quyền của Ủy ban Hiến pháp; và
7. Phát thanh và truyền hình, trong chừng mực các vấn đề này phải không thuộc thẩm quyền của Ủy ban Hiến pháp.

Ủy ban Các vấn đề văn hóa cũng phải thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến việc phân bổ ngân sách theo mục 17 về Văn hóa, truyền thông, các tổ chức tôn giáo và giải trí.

4.6.11

Ủy ban Giáo dục có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Hệ thống trường học, một số loại hình giáo dục đặc biệt và các hoạt động giáo dục khác;

2. Giáo dục bậc đại học và nghiên cứu;
3. Hỗ trợ tài chính cho sinh viên.

Ủy ban về Giáo dục cũng phải thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến việc phân bổ ngân sách theo mục 15 về Giáo dục và nghiên cứu học thuật.

4.6.12

Ủy ban Giao thông và Truyền thông có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Đường bộ và vận tải đường bộ;
2. Đường sắt và vận tải đường sắt;
3. Hải cảng và vận chuyển đường biển;
4. Sân bay và hàng không dân dụng;
5. Dịch vụ bưu chính;
6. Thông tin liên lạc điện tử; và
7. Chính sách công nghệ thông tin.

Ủy ban Giao thông và Truyền thông cũng phải thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến việc phân bổ ngân sách theo mục 22 về Giao thông và truyền thông.

4.6.13

Ủy ban Môi trường và Nông nghiệp có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, nghề làm vườn, săn bắn và đánh cá;
2. Dịch vụ khí tượng thủy văn;
3. Bảo tồn thiên nhiên;
4. Các vấn đề bảo vệ môi trường khác không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Ủy ban nào khác.

Ủy ban Môi trường và nông nghiệp cũng xem xét các vấn đề liên quan đến các khoản phân bổ ngân sách theo mục 20 về Việc bảo vệ môi trường và bảo tồn

thiên nhiên nói chung và mục 23 về Khoa học nông nghiệp, các khu vực nông thôn và thực phẩm.

4.6.14

Ủy ban Công nghiệp và Thương mại có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Các định hướng chung trong việc thực hiện các chính sách thương mại và công nghiệp, các vấn đề nghiên cứu có liên quan;
2. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp;
3. Thương mại;
4. Pháp luật sở hữu trí tuệ;
5. Chính sách năng lượng;
6. Chính sách phát triển khu vực;
7. Các doanh nghiệp nhà nước;
8. Giá cả và các điều kiện cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh.

Ủy ban Công nghiệp và Thương mại cũng phải xem xét các vấn đề liên quan đến việc phân bổ ngân sách theo mục 19 về Phát triển vùng; mục 21 về Năng lượng; và mục 24 về Công nghiệp và thương mại.

4.6.15

Ủy ban Thị trường lao động có trách nhiệm thẩm tra và chuẩn bị các vấn đề liên quan đến:

1. Chính sách thị trường lao động;
2. Chính sách đời sống việc làm, bao gồm cả pháp luật lao động;
3. Hội nhập;
4. Các biện pháp chống phân biệt đối xử, trong chừng mực các vấn đề này phải không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Ủy ban nào khác;
5. Sự bình đẳng giữa nữ và nam, trong chừng mực các vấn đề này phải không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Ủy ban nào khác.

Ủy ban Thị trường lao động cũng phải xem xét các vấn đề liên quan đến việc phân bổ ngân sách theo mục 13 về Hội nhập và bình đẳng giới; và mục 14 về Thị trường lao động và đời sống việc làm.

Chia sẻ các vấn đề giữa hai hay nhiều Ủy ban

Điều 7

Trừ các vấn đề liên quan đến Dự thảo Ngân sách, một vấn đề chỉ có thể được hai hoặc nhiều hơn hai Ủy ban cùng xem xét khi có lý do đặc biệt.

Hợp tác giữa các Ủy ban

Điều 8

Một Ủy ban có thể mời một Ủy ban khác trình bày ý kiến liên quan đến một vấn đề hoặc tình huống tác động tới phạm vi thẩm quyền của Ủy ban đó. Trước khi một Ủy ban gửi báo cáo bao gồm các đề xuất về một vấn đề được trình Quốc hội, thì Ủy ban Tài chính phải được góp ý vào nội dung của báo cáo, nếu đề xuất có thể có những ảnh hưởng đáng kể đối với các khoản thu và chi của Nhà nước trong tương lai.

Trường hợp, trong suốt thời gian xem xét vấn đề, khi có ít nhất 5 đại biểu của một Ủy ban có yêu cầu, Ủy ban đó sẽ thu nhận ý kiến theo quy định của đoạn 1. Thủ tục tương tự cũng được áp dụng nếu yêu cầu đưa ra không liên quan đến một vấn đề đang được xem xét và nếu các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Liên minh Châu Âu. Ủy ban có thể từ chối yêu cầu góp ý kiến nếu nó được đưa ra trong quá trình xem xét một vấn đề và Ủy ban đó đã kết luận rằng hành động được yêu cầu sẽ trì hoãn việc xem xét vấn đề, gây nên hậu quả nghiêm trọng. Trong những trường hợp như vậy, Ủy ban nêu rõ trong báo cáo của mình lý do cho việc từ chối yêu cầu.

Một Ủy ban có thể đạt được thỏa thuận với một hay nhiều Ủy ban để cùng chuẩn bị một vấn đề, thông qua các đại biểu trong một Ủy ban chung.

Việc xem xét bắt buộc tại Ủy ban

Điều 9

Các Ủy ban có trách nhiệm báo cáo Quốc hội tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, và những vấn đề không bị rút lại. Các Ủy ban chung cùng có trách nhiệm báo cáo Quốc hội.

Báo cáo về những vấn đề mà việc xem xét chúng bị hoãn lại cho tới nhiệm kỳ bầu cử tiếp theo, theo quy định tại Điều 10, Chương 5 sẽ được trình bởi các Ủy ban do Quốc hội mới được bầu thành lập.

Khi thông báo trước Quốc hội về quyết định bị trì hoãn theo quy định tại Điều 14, Chương 3 thì một Ủy ban được phép nêu thêm ý kiến về vấn đề này.

Nếu một dự thảo luật đã bị trì hoãn trong ít nhất 12 tháng theo quy định tại đoạn 1, Điều 22, Chương 2 Luật tổ chức Nhà nước, Ủy ban có trách nhiệm cung cấp một báo cáo mới về vấn đề này.

Điều khoản bổ sung

4.9.1

Quyết định của Ủy ban Tài chính về vấn đề được nêu tại Điều 5, Chương 9 Luật tổ chức Nhà nước sẽ được báo cáo bằng văn bản tới Chính phủ.

4.9.2

Các Ủy ban có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trước Quốc hội về các vấn đề mà liên quan đến chúng chưa có báo cáo nào được trình.

Chuyển lại và chuyển tới một Ủy ban khác

Điều 10

Một vấn đề đã được Ủy ban báo cáo trước Quốc hội phải được chuyển lại cho Ủy ban để chuẩn bị thêm nếu có ít nhất một phần ba đại biểu Quốc hội có mặt biểu quyết tán thành. Sự chuyển lại theo quy định ở điều này không áp dụng quá một lần đối với cùng một vấn đề hoặc các vấn đề giống nhau.

Quốc hội cũng có thể quyết định chuyển vấn đề đến một Ủy ban khác để xem xét. Trong trường hợp đồng thời có đề nghị chuyển vấn đề đến Ủy ban khác hoặc trả lại cho Ủy ban cũ xem xét thì đề nghị chuyển vấn đề trở lại Ủy ban cũ sẽ được thảo luận trước. Trong trường hợp đề nghị trả lại Ủy ban cũ được chấp nhận thì yêu cầu chuyển cho Ủy ban khác coi như vô hiệu.

Nghĩa vụ cung cấp thông tin và đưa ra ý kiến của một cơ quan Nhà nước trước một Ủy ban

Điều 11

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin và đưa ra các ý kiến khi được Ủy ban yêu cầu, trừ khi có quyết định khác theo quy định ở

đoạn 3, Điều 13. Tuy nhiên, đối với hoạt động liên quan đến Liên minh Châu Âu, Chính phủ chỉ có nghĩa vụ thực hiện điều này khi vấn đề thuộc lĩnh vực xem xét của một ủy ban. Một cơ quan có thẩm quyền không thuộc Quốc hội có thể chuyển yêu cầu đó của Ủy ban tới Chính phủ để quyết định.

Khi xem xét một vấn đề nếu có ít nhất năm thành viên của Ủy ban yêu cầu cung cấp thông tin hay ý kiến đóng góp theo quy định ở đoạn 1 thì Ủy ban phải thu xếp thực hiện điều này. Điều này cũng được áp dụng nếu như yêu cầu đó được đưa ra mà không liên quan tới một vấn đề đang được xem xét trong trường hợp vấn đề đó liên quan đến hoạt động của Liên minh Châu Âu. Ủy ban cũng có thể từ chối một yêu cầu cung cấp thông tin hay ý kiến nếu yêu cầu đó được đưa ra trong quá trình xem xét vấn đề và Ủy ban kết luận rằng yêu cầu cung cấp thêm thông tin sẽ trì hoãn việc xem xét vấn đề và gây ra những thiệt hại nghiêm trọng. Trong trường hợp này, Ủy ban phải trình bày và nêu rõ lý do từ chối yêu cầu trong báo cáo của mình. Ủy ban về Hiến pháp không được tuyên bố rằng quy định ở đoạn 1, Điều 22, Chương 2 Luật Tổ chức Nhà nước không được áp dụng đối với dự thảo luật cụ thể trừ khi Hội đồng Pháp chế đã đưa ra ý kiến của mình về vấn đề này.

Số lần các phiên họp Ủy ban

Điều 12

Các Ủy ban được triệu tập theo yêu cầu công việc của Quốc hội.

Điều khoản bổ sung

4.12.1

Một Ủy ban phải được triệu tập họp lần đầu tiên trong vòng hai ngày kể từ ngày được bầu theo lệnh triệu tập của Chủ tịch Quốc hội. Ủy ban sau đó được triệu tập họp bởi Chủ nhiệm ủy ban. Chủ nhiệm ủy ban cũng sẽ triệu tập họp khi có ít nhất 5 thành viên ủy ban yêu cầu.

Phiên họp của Ủy ban Tài chính cũng được triệu tập bởi Chủ tịch Quốc hội theo yêu cầu của Chính phủ với mục đích được nêu ở Điều 5, Chương 9, Luật tổ chức Nhà nước.

Yêu cầu triệu tập phiên họp của Ủy ban của cá nhân phải được gửi đến tất cả các đại biểu và các đại biểu dự khuyết. Trong điều kiện có thể, yêu cầu triệu tập phải được niêm yết ở Tòa nhà Quốc hội chậm nhất là vào 6 giờ chiều vào ngày trước phiên họp.

4.12.2

Ủy ban chỉ có thể tổ chức họp đồng thời với phiên họp toàn thể của Quốc hội chỉ khi việc thảo luận ở Hội trường không phải việc giải quyết một vấn đề hay khi diễn ra bỏ phiếu.

4.12.3

Trước khi bầu chọn xong chủ nhiệm Ủy ban, thì thành viên có thâm niên làm đại biểu Quốc hội lâu nhất trong số các thành viên của Ủy ban sẽ điều hành các công việc của Ủy ban. Trong trường hợp có hai hoặc nhiều hơn hai thành viên có cùng số năm công tác thì người nhiều tuổi nhất sẽ là người được lựa chọn.

4.12.4

Các cuộc họp của Ủy ban phải được ghi thành biên bản.

Các phiên họp kín và phiên họp công khai

Điều 13

Các phiên họp của Ủy ban được tổ chức họp kín. Tuy nhiên, một Ủy ban có thể quyết định họp công khai, đối với toàn bộ hoặc một phần phiên họp hoặc đối với phần của phiên họp liên quan đến việc thu thập thông tin.

Trong trường hợp có những lý do đặc biệt, Ủy ban có thể cho phép một người không phải là thành viên của Ủy ban, thành viên dự khuyết hoặc các nhân viên của Ủy ban được phép tham gia phiên họp kín.

Trong suốt thời gian công khai của một cuộc họp Ủy ban, đại diện của một cơ quan Nhà nước không bị buộc phải cung cấp thông tin nếu các thông tin đó đối tượng của các nguyên tắc bảo mật của cơ quan mình.

Điều khoản bổ sung

4.13.1

Việc ghi âm, ghi hình trong thời gian họp công khai của Ủy ban có thể được thực hiện trừ trường hợp ủy ban có quyết định khác.

4.13.2

Trong thời gian tổ chức họp công khai, Ủy ban phải bố trí những vị trí đặc biệt dành cho công chúng. Bất kỳ công dân nào tham gia cuộc họp này có hành vi gây mất trật tự đều có thể bị mời ra ngoài ngay lập tức. Trong trường hợp xảy ra mất trật tự giữa các công dân tham dự, Chủ nhiệm Ủy ban có thể yêu cầu tất cả các công dân tham dự phiên họp ra ngoài.

Những người tham dự phiên họp công khai của Ủy ban được yêu cầu phải gửi lại áo khoác, túi xách, các vật dụng tương tự và bất kỳ các vật thể nào có thể gây ra các vụ lộn xộn trong phiên họp trong thời gian họ có mặt ở phòng họp. Bất kỳ người nào không thực hiện yêu cầu này thì không được phép tham dự phiên họp.

Các điều khoản liên quan đến việc bảo đảm an ninh được quy định trong Luật về kiểm soát an ninh tại Quốc hội (SFS 1988:144).

Mất tư cách tham dự các phiên họp của Ủy ban

Điều 14

Không ai được tham dự phiên họp của Ủy ban khi phiên họp đó thảo luận về các vấn đề có tác động đến cá nhân hoặc đồng nghiệp thân cận của người này.

Biểu quyết tại cuộc họp của Ủy ban và quyền yêu cầu bảo lưu

Điều 15

Biểu quyết tại cuộc họp của Ủy ban được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu công khai. Trong trường hợp có số phiếu bằng nhau thì ý kiến có sự ủng hộ của vị chủ nhiệm Ủy ban được chấp nhận.

Một thành viên thất bại trong cuộc bỏ phiếu ở Ủy ban có thể kiến nghị bảo lưu ý kiến trong báo cáo của Ủy ban. Trường hợp cuộc bỏ phiếu liên quan đến quyết định của Ủy ban về một ý kiến được gửi tới một Ủy ban khác, thành viên Ủy ban có thể yêu cầu ghi thêm ý kiến bất đồng của mình vào trong ý kiến mà ủy ban gửi đi. Tuy nhiên, bản báo cáo hoặc ý kiến của Ủy ban không được vì lý do đó mà bị chậm trễ.

Ý kiến riêng

Điều 16

Một thành viên có thể trình bày quan điểm của mình trong một phát biểu riêng được gửi kèm báo cáo của Ủy ban hoặc một ý kiến gửi cho Ủy ban khác.

Nghĩa vụ bảo mật của Ủy ban

Điều 17

Khi không được phép, các thành viên của Ủy ban, các thành viên dự khuyết, và các nhân viên của Ủy ban đều không được tiết lộ các vấn đề mà Chính phủ, hoặc Ủy ban đã quyết định bảo mật trong quá trình thảo luận vì lý do an ninh của

Vương quốc hoặc các lý do đặc biệt quan trọng khác phát sinh trong mối quan hệ với nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.

Theo dõi và đánh giá từ các Ủy ban

Điều 18

Các Ủy ban chuẩn bị công việc bao gồm cả nhiệm vụ theo dõi và đánh giá việc thực hiện các quyết định của Quốc hội trong phạm vi các vấn đề đặt ra cho mỗi Ủy ban được quy định từ Điều 4 tới Điều 6 và trong các điều khoản bổ sung có liên quan.

Chuẩn bị báo cáo kiểm toán của Văn phòng Kiểm toán Quốc gia

Điều 18a

Các báo cáo kiểm toán của Văn phòng Kiểm toán Quốc gia phải được Chủ tịch Quốc hội chuyển tới Ủy ban có trách nhiệm trong vấn đề được nêu trong báo cáo theo quy định tại Điều 4 tới Điều 6 và các điều khoản bổ sung có liên quan. Nếu một Ủy ban muốn có được thông tin liên quan tới báo cáo kiểm toán, thủ tục quy định tại Điều 11 được áp dụng.

Chủ tịch Quốc hội có trách nhiệm cung cấp các báo cáo kiểm toán không thuộc phạm vi các hoạt động của Quốc hội hoặc một cơ quan thuộc Quốc hội tới Chính phủ.

Chính phủ có trách nhiệm cung cấp các thông báo ý kiến bằng văn bản tới Quốc hội về các bản báo cáo kiểm toán hoạt động mà Chủ tịch Quốc hội đã cung cấp cho Chính phủ. Trong thông báo bằng văn bản, Chính phủ phải đưa ra trước Quốc hội bản liệt kê các biện pháp mà Chính phủ đã thực hiện hoặc dự định thực hiện phúc đáp những nhận xét của Văn phòng Kiểm toán Quốc gia. Tuy nhiên, nếu Chính phủ đã thực hiện hoặc dự định thực hiện các biện pháp tương tự đáp lại một vài báo cáo kiểm toán, Chính phủ có thể gửi thông báo ý kiến bằng văn bản đề cập đến một số báo cáo kiểm toán tới Quốc hội.

Thông báo bằng văn bản của Chính phủ phải được gửi cho Quốc hội trong vòng 4 tháng kể từ ngày Chính phủ nhận được báo cáo. Khi tính toán khoảng thời gian này, tháng 7 và 8 sẽ không được tính.

Việc các Ủy ban đi công tác nước ngoài

Điều 19

Một Ủy ban có trách nhiệm phải tham khảo ý kiến của Hội đồng Điều hành trước khi đưa ra quyết định đi công tác nước ngoài. Hội đồng sẽ cho ý kiến liên quan đến sự phù hợp của chuyến đi. Theo đó, việc xem xét sẽ được đặt trong các mối quan hệ quốc tế của Quốc hội, chi phí và những tình huống khác. Hội đồng Điều hành có thể ban hành các quy định chi tiết liên quan đến việc đi công tác nước ngoài của các Ủy ban.

Chương 5

THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH

Thông báo và trình các báo cáo của Ủy ban

Điều 1

Một bản báo cáo của Ủy ban phải được thông báo phiên họp toàn thể và được trình hai lần trong các phiên họp phiên họp toàn thể trước khi được thông qua, trừ khi Quốc hội, theo đề nghị của Ủy ban hoặc của Chủ tịch Quốc hội, quyết định chỉ trình một lần trước khi quyết định. Các quy định về việc trình một báo cáo của Ủy ban được quy định tại đoạn 2, Điều 7.

Sau khi báo cáo của Ủy ban về một dự thảo luật được thông báo trước Quốc hội, các kiến nghị yêu cầu trì hoãn xem xét dự thảo luật đó trong ít nhất là 12 tháng theo quy định ở đoạn 1, Điều 22, Chương 2, Luật Tổ chức Nhà nước có thể được đưa ra

Điều khoản bổ sung

5.1.1

Báo cáo của Ủy ban không được thông báo trước Quốc hội trước khi bản sao của báo cáo này được cung cấp đến từng đại biểu Quốc hội.

Chủ tịch Quốc hội phải thảo luận với chủ nhiệm và phó chủ nhiệm Ủy ban trước khi đưa ra các kiến nghị sẽ thông qua vấn đề chỉ sau duy nhất 1 lần trình. Khi Chủ tịch Quốc hội đưa ra kiến nghị này, thì kiến nghị đó được thông báo trước Quốc hội vào cùng thời điểm báo cáo của Ủy ban được trình.

5.1.2

Kiến nghị yêu cầu trì hoãn việc xem xét một dự thảo luật trong thời gian tối thiểu 12 tháng phải được đưa ra bằng văn bản và nếu có thể, được đưa vào trong nghị trình của Quốc hội.

Việc trình và số lần thảo luận một số vấn đề khác

Điều 2

Các kiến nghị kêu gọi tổ chức cuộc trưng cầu ý dân về các vấn đề liên quan đến đạo luật cơ bản hoặc về tuyên bố bất tín nhiệm phải được thảo luận tại Hội trường cho tới phiên họp thứ hai tiếp sau phiên họp mà kiến nghị được đưa ra. Vấn đề sẽ được quyết định không muộn hơn phiên họp kế tiếp.

Kiến nghị của Chủ tịch Quốc hội trong việc đề cử Thủ tướng mới cũng sẽ được thảo luận tại Hội trường cho tới phiên họp thứ hai tiếp sau phiên họp mà kiến nghị được đưa ra. Vấn đề sẽ được thông qua không muộn hơn ngày thứ 4 kể từ ngày mà kiến nghị được đưa ra, phù hợp với các quy định tại đoạn 2, Điều 4, Chương 6 Luật Tổ chức Nhà nước.

Các kiến nghị đưa ra trong thời gian thảo luận một báo cáo của Ủy ban

Điều 3

Một đại biểu có thể đề nghị thông qua hoặc bác bỏ các kiến nghị trong báo cáo của Ủy ban trong suốt thời gian thảo luận về báo cáo đó. Các quy định liên quan đến các kiến nghị và quyết định chuyển báo cáo trở lại Ủy ban đã chuẩn bị báo cáo, hoặc chuyển vấn đề cho Ủy ban khác xem xét, được nêu tại Điều 10, Chương 4.

Quyết định

Điều 4

Một vấn đề đang được Quốc hội thảo luận không được thông qua cho tới khi theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, Quốc hội tuyên bố là cuộc thảo luận đã kết thúc. Các báo cáo của Ủy ban chỉ được thông qua tại các phiên họp toàn thể mà đã được thông báo trong lệnh triệu tập theo quy định ở Điều 5, Chương 2, và được đưa vào nghị trình phiên họp toàn thể mà tại đó các báo cáo của Ủy ban được đưa ra để giải quyết theo quy định ở Điều 7, Chương 2.

Một vấn đề sẽ được quyết định bằng cách tán thưởng, hoặc bằng cách bỏ phiếu khi có một đại biểu Quốc hội yêu cầu. Trường hợp một trình tự, thủ tục đặc biệt được áp dụng theo quy định tại Điều 9, thì vấn đề đó phải được thông qua theo hình thức bỏ phiếu. Nếu cần thiết, việc thông qua vấn đề sẽ được chia thành các quyết định từng phần riêng biệt.

Nếu một kiến nghị được đưa ra theo quy định tại đoạn 1, Điều 22, Chương 2 Luật Tổ chức Nhà nước yêu cầu trì hoãn việc xem xét một dự thảo luật trong thời

gian tối thiểu 12 tháng, và kiến nghị được đưa ra để bác bỏ một dự thảo luật, Quốc hội phải xem xét các kiến nghị đó ngay trước khi bỏ phiếu để quyết định thông qua dự luật.

Điều khoản bổ sung

5.4.1

Trong trường hợp có các kiến nghị về các dự thảo luật đang bị trì hoãn xem xét trong thời gian tối thiểu 12 tháng theo quy định ở đoạn 1, Điều 22, Chương 2, Luật Tổ chức Nhà nước, và nếu dự thảo luật đó thất bại trong cuộc bỏ phiếu cần thiết phải nhận được đa số 5/6 các đại biểu có mặt biểu quyết chấp thuận được quy định trong Luật Tổ chức Nhà nước nhằm bảo đảm việc thông qua ngay lập tức dự thảo luật, thì dự thảo luật đó sẽ được chuyển tới Ủy ban Hiến pháp xem xét theo quy định tại đoạn 3 Điều 22 Luật Tổ chức Nhà nước liên quan đến việc áp dụng thủ tục trì hoãn dự thảo luật. Nếu Ủy ban Hiến pháp tuyên bố thủ tục được áp dụng, Quốc hội sẽ xem xét lại việc chấp thuận hay bãi bỏ kiến nghị đó. Trong các trường hợp khác, vấn đề này sẽ được chuyển trở lại Ủy ban để chuẩn bị lại.

Quyết định bằng hình thức tán thưởng

Điều 5

Khi một vấn đề được quyết định bằng hình thức tán thưởng thì Chủ tịch Quốc hội sẽ đưa từng kiến nghị ra biểu quyết trong thời gian Quốc hội tiến hành thảo luận. Câu hỏi sẽ được diễn đạt theo cách mà nó chỉ có thể được trả lời là “Có” hay “Không”. Chủ tịch Quốc hội sẽ tuyên bố về kết quả theo cách hiểu của mình và xác nhận kết quả bằng cách gõ búa điều khiển, trừ khi một đại biểu có yêu cầu tổ chức bỏ phiếu.

Quyết định bằng hình thức bỏ phiếu

Điều 6

Một vấn đề được quyết định bằng việc bỏ phiếu nếu có kiến nghị áp dụng hình thức này và theo quan điểm của Chủ tịch Quốc hội, Quốc hội đã thông qua kiến nghị đó bằng việc tán thưởng. Khi không tiến hành việc bỏ phiếu bằng hình thức tán thưởng, nội dung dự kiến biểu quyết thứ nhất (đề nghị chính) là kiến nghị được Chủ tịch Quốc hội quyết định. Nội dung biểu quyết thứ hai được đưa ra trái ngược với đề nghị chính được xác định như một đề nghị chống lại. Trong trường hợp có hai kiến nghị đang được tranh luận thì trước hết Quốc hội sẽ quyết định bằng cách áp dụng Điều 5 để xác định kiến nghị nào được coi là kiến nghị chống lại.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu công khai. Theo các quy định được đặt ra trong Điều 7, Chương 4 Luật tổ chức Nhà nước, kiến nghị được sự ủng hộ của hơn một nửa các đại biểu tham gia bỏ phiếu sẽ trở thành quyết định của Quốc hội, trừ khi có quy định khác trong Luật Tổ chức Nhà nước hoặc đạo luật này. Chủ tịch Quốc hội sẽ thông báo kết quả của cuộc bỏ phiếu và khẳng định lại bằng cách gõ búa điều khiển.

Điều khoản bổ sung

5.6.1

Trong khi cuộc bỏ phiếu được tiến hành, Chủ tịch Quốc hội phải trình bày kiến nghị về cách thức bỏ phiếu. Nếu một nguyên tắc về thủ tục đặc biệt theo quy định tại Điều 9 được áp dụng trong một trường hợp cụ thể, nó cần phải được nêu trong bản kiến nghị về cách thức bỏ phiếu.

Khi các đại biểu Quốc hội đã ổn định vị trí trong Hội trường sau khi có chuông báo thì kiến nghị được đưa ra biểu quyết sẽ được đọc và trình ra để Quốc hội thông qua.

Cuộc bỏ phiếu được tiến hành bằng cách các đại biểu đứng lên tại vị trí của mình. Trong trường hợp Chủ tịch Quốc hội thấy rằng kết quả vẫn còn chưa chắc chắn, hoặc nếu một đại biểu yêu cầu việc kiểm kê kết quả, một cuộc bỏ phiếu mới sẽ được tiến hành bằng cách sử dụng máy ghi nhận việc bỏ phiếu, hoặc nếu không sử dụng thiết bị này thì tiến hành bằng cách điểm danh.

5.6.2

Khi bỏ phiếu bằng cách các đại biểu đứng lên từ vị trí của mình thì trước hết Chủ tịch Quốc hội gọi những thành viên muốn bỏ phiếu “Tán thành” đứng lên và sau đó gọi tên các đại biểu muốn bỏ phiếu ”Chống” đứng lên.

Khi bỏ phiếu bằng cách dùng máy ghi nhận thì cách mà mỗi đại biểu tiến hành bỏ phiếu sẽ được thiết bị này ghi lại.

Khi bỏ phiếu bằng cách điểm danh, Chủ tịch Quốc hội sẽ mời hai đại biểu tới bàn của Chủ tịch Quốc hội để cùng làm nhiệm vụ kiểm phiếu. Các Phó Chủ tịch Quốc hội sẽ được gọi trước và tiếp theo sau là các đại biểu khác theo thứ tự số ghế của họ trong Hội trường. Có ba khả năng trả lời như sau: “Tán thành”, “Chống” và “Trắng”.

Thủ tục trong trường hợp số phiếu ngang nhau

Điều 7

Trong trường hợp có số phiếu ngang nhau trong việc quyết định kiến nghị nào là kiến nghị chống lại, kết quả cuối cùng được quyết định bằng cách rút thăm.

Trong trường hợp có số phiếu ngang nhau giữa hai bên thì vấn đề sẽ được đưa ra trình lại. Trường hợp lại có số phiếu ngang nhau ở lần trình thứ hai giữa hai bên thì Chủ tịch Quốc hội sẽ kiến nghị Quốc hội chuyển vấn đề này trở lại cho Ủy ban để có sự chuẩn bị thêm. Vấn đề này sẽ được chuyển trở lại cho Ủy ban khi có ít nhất một nửa số đại biểu biểu quyết tán thành kiến nghị của Chủ tịch Quốc hội. Trong trường hợp khác, quyết định của Quốc hội sẽ được tiến hành bằng cách rút thăm.

Sau khi chuyển trở lại Ủy ban, vấn đề sẽ được đệ trình lại trước phiên họp toàn thể của Quốc hội để quyết định. Trong trường hợp cuộc biểu quyết lại có số phiếu ngang nhau giữa hai bên thì vấn đề sẽ được quyết định ngay bằng cách rút thăm.

Điều 8

Trong trường hợp việc quyết định một vấn đề lập pháp được chia thành hai hoặc nhiều hơn các phần để quyết định, Quốc hội có thể quyết định thông qua vấn đề ngay sau khi phần quyết định cuối cùng được thông qua, hoặc theo một đề nghị từ Chủ tịch Quốc hội hoặc từ một đại biểu, chuyển lại vấn đề để Ủy ban chuẩn bị thêm. Trường hợp Quốc hội quyết định chuyển vấn đề về Ủy ban thì các quyết định từng phần trước đó được coi là vô hiệu. Các quyết định theo quy định của luật này để chuyển vấn đề trở lại Ủy ban không được phép lặp lại.

Quyết định theo một quy tắc thủ tục đặc biệt

Điều 9

Trong trường hợp quyết định cần phải nhận được sự ủng hộ của đa số nhiều hơn đa số đơn giản và có nhiều hơn 1 đề nghị được đưa ra để quyết định, quy định sau đây sẽ được áp dụng. Đầu tiên Quốc hội phải chọn một trong số các đề nghị trên cơ sở của các nguyên tắc chung hiện đang còn hiệu lực. Sau đó, sẽ được áp dụng để quyết định quy tắc thủ tục đặc biệt về việc chấp thuận hay phản đối kiến nghị được đưa ra. Thủ tục này cũng được áp dụng kể cả khi có một số biện pháp không tương thích với nhau trong cùng một dự thảo lập pháp và kiến nghị được đưa ra cho một trong số các biện pháp đó bị trì hoãn xem xét trong ít nhất 12 tháng theo quy định tại đoạn 1, Điều 22, Chương 2 Luật Tổ chức Nhà nước.

Trong trường hợp có hai hoặc nhiều hơn hai kiến nghị được đệ trình đồng thời về việc tổ chức trưng cầu ý dân về cùng một vấn đề liên quan đến một đạo luật cơ bản bị trì hoãn vì cuộc bầu cử, hoặc yêu cầu một tuyên bố bất tín nhiệm đối với cùng một vị Bộ trưởng thì chỉ có một cuộc biểu quyết được tiến hành.

Hoãn xem xét vấn đề

Điều 10

Một vấn đề cần phải được quyết định trong nhiệm kỳ bầu cử mà nó được đệ trình. Tuy nhiên, Quốc hội có thể cho phép hoãn xem xét vấn đề tới kỳ họp Quốc hội đầu tiên của nhiệm kỳ bầu cử mới. Việc xem xét một vấn đề được đưa ra trong thời gian Quốc hội nghỉ làm việc cho đến kỳ họp Quốc hội đầu tiên của nhiệm kỳ bầu cử mới được coi như được trì hoãn cho tới kỳ họp Quốc hội đó. Điều tương tự cũng được áp dụng cho việc xem xét một vấn đề mà Quốc hội không có thời gian để thông qua do Quốc hội nghỉ làm việc vì liên quan đến một cuộc bầu cử bất thường.

Một vấn đề liên quan đến ngân sách quốc gia cho năm tài chính tiếp sau phải được giải quyết trước khi bắt đầu năm tài chính đó, nếu việc giải quyết không thể bị trì hoãn mà không tác động tiêu cực tới việc thông qua ngân sách quốc gia.

Một dự thảo luật bị trì hoãn trong 12 tháng theo quy định tại đoạn 1, Điều 22, Chương 2 Luật Tổ chức Nhà nước phải được xem xét trước khi kết thúc năm dương lịch tiếp theo. Nếu một dự thảo luật khác có liên quan tới dự luật bị trì hoãn theo nguyên tắc này, Quốc hội có thể quyết định việc nó có thể được thông qua trong thời gian tiến hành việc xem xét dự thảo luật bị trì hoãn. Nếu một vấn đề theo quy định tại đoạn này không được thông qua trong thời gian quy định do việc yêu cầu một cuộc bầu cử bất thường, nó phải được giải quyết ngay khi Quốc hội mới được bầu được triệu tập.

Điều khoản bổ sung

5.10.1

Quyết định trì hoãn một vấn đề sẽ được thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban có thẩm quyền xem xét vấn đề này. Quốc hội cũng có thể quyết định hoãn một vấn đề mà không cần có kiến nghị của Ủy ban về vấn đề này.

5.10.2

Các quyết định theo quy định ở câu thứ hai, đoạn 3, Điều 10 sẽ được thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban có thẩm quyền xem xét vấn đề đó.

Quyết định cuối cùng về vấn đề bị trì hoãn qua một cuộc bầu cử

Điều 11

Vấn đề bị trì hoãn qua một cuộc bầu cử theo các quy định tại Điều 14 đến 17, Chương 8 Luật Tổ chức Nhà nước sẽ được quyết định tại kỳ họp thứ nhất của nhiệm kỳ bầu cử mà quyết định chính thức cuối cùng có thể được đưa ra đầu tiên theo quy định tại Luật Tổ chức Nhà nước, với điều kiện vấn đề chưa bị bác bỏ. Việc giải quyết cũng có thể bị trì hoãn tới kỳ họp khác theo quyết định của Quốc hội. Các quyết định như vậy có thể được lặp lại. Quyết định cuối cùng về vấn đề này phải được thực hiện trước cuộc bầu cử Quốc hội thông thường tiếp theo.

Trong trường hợp trì hoãn do cuộc bầu cử bất thường, các quy định tại đoạn 1, Điều 10 sẽ được áp dụng.

Trường hợp một kiến nghị có liên quan đến việc sửa đổi một đạo luật cơ bản bị trì hoãn qua cuộc bầu cử, hoặc các vấn đề khác mà phải được thông qua theo thủ tục tương tự bị bác bỏ trong một cuộc trưng cầu ý dân thì Ủy ban có thẩm quyền giải quyết vấn đề có trách nhiệm thông báo trước Quốc hội.

Điều khoản bổ sung

5.11.1

Quyết định trì hoãn việc giải quyết vấn đề bị trì hoãn qua cuộc bầu cử theo quy định tại Điều 14 đến 17, Chương 8 Luật Tổ chức Nhà nước sẽ được thực hiện theo đề nghị của Ủy ban có thẩm quyền giải quyết vấn đề.

Các quyết định trong chu trình ngân sách

Điều 12

Quốc hội có thể quyết định trong một đạo luật việc phân bổ các khoản chi của Nhà nước cho các lĩnh vực chi tiêu.

Trong trường hợp Quốc hội đã quyết định theo quy định ở đoạn 1, bằng cách thông qua một quyết định duy nhất, Quốc hội xác định cho năm ngân sách tiếp theo, giới hạn chi cho mỗi mục chi, thể hiện con số cao nhất mà tổng chi cho mỗi mục chi tiêu có thể đạt tới; và ước tính các khoản thu của Nhà nước trong ngân sách quốc gia.

Các quyết định liên quan đến chuẩn chi hoặc các khoản chi tiêu khác theo năm ngân sách quốc gia có thể không được thực hiện trước khi có một quyết định theo quy định ở đoạn 2 Điều này.

Các khoản phân bổ ngân sách và các khoản chi tiêu khác theo ngân sách quốc gia có thể được quyết định cho mỗi mục chi tiêu thông qua một quyết định duy nhất.

Các quyết định liên quan đến các khoản phân bổ ngân sách của năm ngân sách hiện tại có ảnh hưởng tới giới hạn chi tiêu không thể được thực hiện trước khi có quyết định thông qua việc điều chỉnh các giới hạn chi tiêu.

Điều khoản bổ sung

5.12.1

Các khoản chi tiêu quốc gia được ghi thành các mục chi tiêu như sau: 1: Quản trị; 2: Kinh tế và quản lý tài chính; 3: Thuế, thuế hải quan và việc thi hành; 4: Tư pháp; 5: Hợp tác quốc tế; 6: Quốc phòng và các biện pháp dự phòng; 7: Hợp tác phát triển quốc tế; 8: Nhập cư; 9: Chăm sóc sức khỏe, y tế và các dịch vụ xã hội; 10: Bảo đảm tài chính cho người ốm đau và bệnh tật; 11: Bảo đảm tài chính cho người già; 12: Bảo đảm tài chính cho gia đình và trẻ em; 13: Hội nhập giới và bình đẳng giới; 14: Thị trường lao động và đời sống việc làm; 15: Hỗ trợ tài chính cho sinh viên; 16: Giáo dục và nghiên cứu học thuật; 17: Văn hóa, truyền thông, cộng đồng tôn giáo và hoạt động giải trí; 18: Quy hoạch cộng đồng, nhà ở, xây dựng và chính sách tiêu dùng; 19: Phát triển vùng; 20: Bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên nói chung; 21: Năng lượng; 22: Giao thông và truyền thông; 23: Khoa học nông nghiệp, nông thôn và thực phẩm; 24: Công nghiệp và thương mại; 25: Các khoản cấp cho chính quyền địa phương; 26: Lãi suất phải trả trên số nợ quốc gia; 27: Các khoản đóng góp cho Liên minh Châu Âu.

Các quyết định liên quan đến mục đích và hoạt động được nêu trong một mục chi tiêu được thực hiện kết hợp với các quyết định liên quan đến Dự luật chính sách tài khóa mùa xuân.

Thông báo bằng văn bản của Quốc hội

Điều 13

Trường hợp một quyết định của Quốc hội yêu cầu phải có hành động từ cơ quan hành pháp, thì cơ quan có trách nhiệm thực thi quyết định sẽ được thông báo bằng văn bản. Các quyết định của Quốc hội về một dự thảo luật của Chính phủ hoặc một bản đề trình sẽ luôn được thông báo cho Chính phủ hoặc cơ quan của Quốc hội phải gửi có bản đề trình bằng hình thức văn bản.

Điều khoản bổ sung

5.13.1

Các thông báo bằng văn bản của Quốc hội sẽ do Ban Thư ký Quốc hội chuẩn bị và phải được Chủ tịch Quốc hội ký.

Ủy ban đã thẩm tra và chuẩn bị về một vấn đề sẽ được thông báo về quyết định của Quốc hội về vấn đề đó.

5.13.2

Mục 6 và 8 Chương 10 quy định về thông báo bằng văn bản của Quốc hội tới các tổ chức trong Liên minh Châu Âu.

Chương 6

CHẤT VẤN VÀ CÂU HỎI ĐỐI VỚI CÁC BỘ TRƯỞNG

Chất vấn

Điều 1

Một cuộc chất vấn phải đi vào từng nội dung cụ thể và có thể bao gồm một lời phát biểu có tính vận động. Chủ tịch Quốc hội sẽ xác định liệu một cuộc chất vấn có được tiến hành hay không. Nếu Chủ tịch Quốc hội cho rằng cuộc chất vấn trái với đạo luật cơ bản hoặc với Luật này, Chủ tịch Quốc hội sẽ từ chối việc cho phép tiến hành chất vấn và tuyên bố lý do cho quyết định này. Tuy nhiên, nếu yêu cầu của Quốc hội là vẫn tiến hành cuộc chất vấn, Chủ tịch Quốc hội có trách nhiệm chuyển vấn đề tới Ủy ban Hiến pháp để quyết định. Chủ tịch Quốc hội không được phép từ chối việc cho phép tiến hành cuộc chất vấn nếu Ủy ban tuyên bố rằng nó không trái với đạo luật cơ bản hoặc với Luật này.

Một chất vấn phải được một Bộ trưởng trả lời trong vòng hai tuần kể từ khi yêu cầu chất vấn được chuyển tới Bộ trưởng. Nếu Quốc hội nghỉ làm việc trong hai tuần đó, thời hạn này sẽ được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng thời gian nghỉ của Quốc hội.

Nếu không đưa ra được câu trả lời trong thời hạn được quy định trong đoạn 2, Bộ trưởng phải thông báo với Quốc hội về lý do tại sao không trả lời hoặc lý do tại sao câu trả lời tạm thời chưa được công bố. Một tuyên bố mang tính chất này sẽ không phát sinh một cuộc thảo luận.

Chất vấn được coi là không còn hiệu lực nếu không có câu trả lời trong kỳ họp Quốc hội mà câu chất vấn được nêu lên.

Điều khoản bổ sung

6.1.1

Các câu hỏi chất vấn được chuyển đến Ban Thư ký Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội thông báo ngay cho Quốc hội về quyết định liệu có cho phép tiến hành cuộc chất vấn hay không. Nếu Chủ tịch Quốc hội chấp nhận tiến hành cuộc chất vấn, Chủ tịch sẽ chuyển câu hỏi chất vấn đến vị Bộ trưởng có liên quan.

Sau khi thảo luận với các đại diện đặc biệt của các nhóm đảng phái, Chủ tịch Quốc hội quyết định ngày cuối cùng trong kỳ họp mà các đại biểu có thể gửi yêu cầu chất vấn tới Ban Thư ký Quốc hội nhưng phải trước thời gian nghỉ kéo dài hơn một tháng của Quốc hội.

Các chất vấn phải được ghi trong biên bản của Quốc hội.

6.1.2

Sau khi thảo luận với Bộ trưởng và người chất vấn, Chủ tịch Quốc hội quyết định phiên họp mà tại đó Bộ trưởng phải đưa ra câu trả lời chất vấn. Ngày trả lời chất vấn sẽ được thông báo không chậm trễ theo cách thức do Chủ tịch Quốc hội quyết định, và phải được ghi trong nghị trình của Quốc hội.

Các trả lời chất vấn có thể được gửi trước đến các đại biểu.

6.1.3

Bộ trưởng trả lời chất vấn bằng lời trong thời gian không quá sáu phút. Bộ trưởng được quyền phát biểu thêm ba lần trong quá trình thảo luận về vấn đề chất vấn, hai lần đầu tiên không kéo dài hơn bốn phút và lần thứ ba không kéo dài hơn hai phút.

Những người chất vấn được quyền phát biểu nhiều nhất là ba lần, hai lần phát biểu thêm đầu tiên không kéo dài quá bốn phút và lần thứ ba không kéo dài quá hai phút.

Các diễn giả khác có thể được quyền phát biểu hai lần, lần thứ nhất không kéo dài quá bốn phút và lần thứ hai kéo dài không quá hai phút.

Câu hỏi

Điều 2

Các câu hỏi có thể được thể hiện bằng lời hoặc bằng văn bản. Các câu hỏi này phải đề cập đến những vấn đề cụ thể.

Các câu hỏi bằng miệng

Điều 3

Các câu hỏi miệng được nêu ra trong buổi chất vấn đặc biệt được bố trí tại các phiên họp ở Hội trường. Các câu hỏi phải được trả lời ngay lập tức.

Chủ tịch Quốc hội quyết định những thành viên nào được quyền phát biểu trong buổi chất vấn. Chủ tịch Quốc hội có thể quyết định giới hạn các lần phát biểu trong thời gian không quá một phút.

Điều khoản bổ sung

6.3.1

Buổi chất vấn được tổ chức vào các ngày thứ Năm hàng tuần khi Quốc hội họp cho các mục đích khác không phải dành cho việc trình đề giải quyết các vấn đề.

Phụ thuộc yêu cầu của tình hình công việc của Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội có thể quyết định buổi chất vấn được tổ chức trong một tuần nhất định vào một số ngày khác ngoài Thứ Năm hoặc buổi chất vấn sẽ bị hủy bỏ.

Các cơ quan Chính phủ phải thông báo cho Ban Thư ký Quốc hội không được muộn hơn thứ Sáu của tuần trước những bộ trưởng sẽ có mặt tại buổi chất vấn. Thông báo được đưa ra ngay theo cách thức được Chủ tịch Quốc hội quyết định.

Các câu hỏi bằng văn bản

Điều 4

Các câu hỏi chất vấn bằng văn bản có thể bao gồm cả phần giải thích tóm tắt. Chủ tịch Quốc hội sẽ quyết định liệu một câu hỏi bằng văn bản có được đưa ra không. Nếu Chủ tịch Quốc hội cho rằng câu hỏi bằng văn bản trái với đạo luật cơ bản hoặc với Luật này, Chủ tịch Quốc hội sẽ từ chối việc cho phép đưa ra câu hỏi và tuyên bố lý do cho quyết định này. Tuy nhiên nếu Quốc hội vẫn đưa ra yêu cầu, Chủ tịch Quốc hội có trách nhiệm chuyển vấn đề tới Ủy ban Hiến pháp để quyết định. Chủ tịch Quốc hội không được từ chối việc cho phép đưa ra câu hỏi nếu Ủy ban tuyên bố rằng nó không trái với đạo luật cơ bản hoặc Luật này.

Điều khoản bổ sung

6.4.1

Các câu hỏi chất vấn bằng văn bản phải được gửi đến Ban Thư ký Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội phải thông báo trước phiên họp toàn thể mà không chậm trễ về

quyết định của mình có cho phép việc đưa ra câu hỏi hay không. Nếu Chủ tịch Quốc hội cho phép đưa ra câu hỏi chất vấn, Chủ tịch Quốc hội chuyển câu hỏi ngay cho vị Bộ trưởng có liên quan. Các văn bản trả lời chất vấn sẽ được chuyển đến Ban Thư ký Quốc hội để chuyển đến đại biểu đã đưa ra câu hỏi.

Các câu hỏi chất vấn bằng văn bản trong tuần được gửi tới không muộn hơn 10 giờ sáng ngày thứ Sáu sẽ nhận được câu trả lời không muộn hơn 12 giờ trưa thứ Tư tuần kế tiếp.

Nếu thời gian nghỉ làm việc của Quốc hội tại Hội trường kéo dài hơn một tháng, Chủ tịch Quốc hội có thể quyết định các câu trả lời phải được gửi đến trong vòng mười bốn ngày kể từ ngày câu hỏi được đệ trình. Chủ tịch Quốc hội có thể quyết định sau khi đã thảo luận với các đại diện đặc biệt của các nhóm đảng phái. Trong trường hợp không có câu trả lời trong thời hạn này thì vị Bộ trưởng bị chất vấn phải thông báo cho Ban Thư ký Quốc hội khi nào câu hỏi sẽ nhận được câu trả lời hoặc không trả lời câu hỏi.

6.4.2

Các câu hỏi chất vấn bằng văn bản và các câu trả lời của các Bộ trưởng được ghi vào biên bản của Quốc hội.

Chương 7

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ VIỆC

BỎ PHIẾU Ở QUỐC HỘI

Việc áp dụng các điều khoản

Điều 1

Các quy định từ Điều 2 đến Điều 12 sẽ được áp dụng cho việc bỏ phiếu được tổ chức ở một phiên họp toàn thể của Quốc hội và các quy định tại Điều 13 và 14 sẽ được áp dụng cho việc biểu quyết trong phạm vi một Ủy ban hay một cơ quan được toàn thể Quốc hội hay một phần Quốc hội bầu.

Ủy ban đề cử

Điều 2

Trừ khi Quốc hội có quy định khác, các cuộc bầu cử tổ chức phiên họp toàn thể sẽ được chuẩn bị bởi một Ủy ban Đề cử đặc biệt được Quốc hội bổ nhiệm.

Ủy ban Đề cử được chỉ định trong phiên họp toàn thể đầu tiên của nhiệm kỳ Quốc hội và thực hiện nhiệm vụ cho tới khi kết thúc nhiệm kỳ. Mỗi nhóm đảng có

số thành viên tương đương với đảng có số phiếu ít nhất bốn phần trăm phiếu bầu trong cuộc bầu cử Quốc hội gần nhất sẽ có một ghế ở Ủy ban Đề cử. Mười ghế khác sẽ được phân chia theo tỷ lệ cân đối giữa các nhóm đảng phái. Các thành viên được tuyển chọn theo thủ tục được quy định ở đoạn 1, Điều 12.

Điều khoản bổ sung

7.2.1

Chủ tịch Quốc hội có trách nhiệm quyết định số lượng đại biểu của mỗi nhóm đảng có thể được cử vào Ủy ban Đề cử. Khi thực hiện điều này, sự phân bổ số ghế theo tỷ lệ được áp dụng theo nguyên tắc được quy định ở đoạn 3, Điều 4.

7.2.2

Ủy ban Đề cử không phải chuẩn bị cuộc bầu cử Nhiếp chính, Phó Nhiếp chính, người tạm thời nắm quyền Nhiếp chính, Chủ tịch Quốc hội, các phó Chủ tịch Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Thanh tra Quốc hội hoặc Phó Thanh tra Quốc hội, Tổng Kiểm toán, hoặc các cuộc bầu cử Hội đồng khen thưởng Bộ trưởng hoặc Hội đồng Khen thưởng Thanh tra Quốc hội và Tổng kiểm toán.

Các quy định liên quan đến việc chuẩn bị các cuộc bầu cử được nêu, trong trường hợp bầu cử Tổng thư ký Quốc hội tại Điều khoản bổ sung 9.1.1; trong trường hợp bầu cử Thanh tra Quốc hội, Phó Thanh tra Quốc hội được quy định ở Điều khoản bổ sung 8.11.2; trong trường hợp bầu cử Tổng kiểm toán được quy định tại Điều khoản bổ sung 8.12.1; trong trường hợp bầu cử các thành viên của Hội đồng Khen thưởng Bộ trưởng được quy định ở Điều khoản bổ sung 8.4.1; trong trường hợp bầu cử các thành viên của Hội đồng khen thưởng Thanh tra Quốc hội và Tổng kiểm toán được quy định tại Điều khoản bổ sung 8.5.1.

7.2.3

Ủy ban Đề cử được triệu tập lần đầu vào cùng ngày mà Ủy ban được thành lập, theo lệnh triệu tập của Chủ tịch Quốc hội. Sau đó, Ủy ban sẽ được triệu tập theo lệnh của Chủ nhiệm Ủy ban.

Các quy định ở câu 1, đoạn 1, Điều 13, Chương 4, và ở đoạn 2, Điều khoản bổ sung 4.12.1 và 4.12.2 đến 4.12.4 cũng được áp dụng cho Ủy ban Đề cử.

Bầu cử bằng cách tán thưởng

Điều 3

Trong một cuộc bầu cử chọn hai hoặc nhiều hơn hai người, Ủy ban Đề cử phải trình một danh sách đã được chấp nhận. Danh sách này bao gồm tên những

người được đề cử bằng số lượng người cần được bầu và phải được tất cả các đại biểu tham dự cuộc họp của Ủy ban Đề cử thông qua hoặc tất cả trừ một người thông qua.

Chủ tịch Quốc hội đề nghị các đại biểu thông qua danh sách đã được chấp nhận và, nếu nó đã được thông qua, tuyên bố rằng những người được liệt kê đã được bầu. Tuy nhiên cuộc bầu cử phải được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín, khi có yêu cầu của ít nhất một số lượng đại biểu bằng với thương của tổng số những đại biểu có quyền bầu cử chia cho số lượng người mà cuộc bầu cử lựa chọn cộng thêm một. Nếu kết quả không phải là số nguyên thì được làm tròn tới số nguyên cao hơn và liền kề. Cuộc bầu cử sẽ được tổ chức lại trong cuộc họp tiếp theo.

Trong trường hợp có các điều khoản đặc biệt quy định người được đề cử vào một nhiệm vụ cụ thể sẽ được bầu chọn riêng thì việc bầu chọn này sẽ được tiến hành bằng cách cách vỗ tay tán thưởng. Tuy nhiên, nếu có một thành viên yêu cầu thì việc bầu chọn sẽ được tổ chức bằng cách bỏ phiếu kín. Nếu cơ quan hay một nhóm chịu trách nhiệm chuẩn bị cho cuộc bầu cử thống nhất đưa ra một đề nghị, thì việc bỏ phiếu kín sẽ không được tổ chức cho tới phiên họp sau.

Bầu cử bằng cách bỏ phiếu kín

Điều 4

Các cuộc bầu cử được tổ chức bằng cách bỏ phiếu kín trừ trường hợp có quy định khác ở Điều 3 hoặc ở các điều khoản chính khác trong Luật này.

Trong trường hợp có hai hoặc nhiều hơn hai người phải được bầu chọn bằng cách bỏ phiếu kín thì số lượng các ghế phải được phân bổ theo tỷ lệ tương ứng giữa các nhóm đảng của các đại biểu Quốc hội tham gia trong cuộc bầu cử theo chỉ định cụ thể.

Các ghế được phân phối giữa các nhóm đảng phái bằng việc phân bổ chúng từng ghế một cho nhóm đảng có số liệu so sánh cao nhất trong từng trường hợp. Số liệu so sánh được tính bằng tổng số phiếu do đảng giành được khi đảng này chưa được phân bổ số ghế và sau đó được tính bằng cách chia số phiếu đảng đã giành được cho số lượng ghế mà đảng đã được phân bổ, cộng thêm một. Trong trường hợp số lượng so sánh là bằng nhau thì vị trí được phân bổ bằng cách rút thăm.

Nếu chỉ có một người được bầu, người đó là người được lựa chọn với số phiếu cao nhất, trừ trường hợp có quy định khác bởi Quốc hội trong một điều khoản chính của Luật này. Trong trường hợp có số phiếu bằng nhau, cuộc bầu cử sẽ được quyết định bằng rút thăm.

Điều khoản bổ sung

7.4.1

Các lá phiếu phải có hình thức là một tờ giấy đơn, gấp lại và không đánh dấu, và phải giống nhau về kích thước, chất liệu và màu sắc. Chúng có thể chứa thông tin về cuộc bầu cử mà chúng có liên quan. Một lá phiếu sẽ không hợp lệ nếu nó mang bất kỳ dấu hiệu phân biệt rõ ràng được đặt vào một cách cố ý. Nếu một đại biểu nộp nhiều hơn một phiếu bầu trong một cuộc bầu cử, những lá phiếu bầu của đại biểu đó sẽ không hợp lệ. Tuy nhiên, trường hợp các lá phiếu bầu giống nhau về nội dung, một lá phiếu sẽ được coi là hợp lệ trong số những lá phiếu đó.

7.4.2

Trong cuộc bầu chọn theo tỷ lệ, các lá phiếu sẽ chỉ rõ tên của nhóm đảng cụ thể của các đại biểu Quốc hội. Tên của các ứng cử viên được liệt kê liên tiếp, tên này sau tên kia theo đúng cách thức này.

Một lá phiếu được coi là vô hiệu khi:

- Nếu lá phiếu đó không nêu tên nhóm đảng của đại biểu;
- Nếu được ghi nhiều hơn một nhóm đảng được nêu;
- Nếu thiếu tên của một ứng cử viên đủ điều kiện.

Tên ghi trên một lá phiếu được xem là không hợp lệ khi:

- Nếu ứng cử viên không đủ điều kiện;
- Nếu tên bị gạch chéo;
- Nếu không nêu rõ ràng ai là người được dự kiến; hoặc
- Nếu thứ tự trước sau giữa các tên trên lá phiếu bầu không rõ ràng.

Thứ tự trước sau giữa tên các ứng cử viên trong mỗi nhóm đảng sẽ được quyết định bằng việc tính toán các số liệu so sánh cho các ứng cử viên áp dụng phương pháp được nêu trong Điều 10, Chương 14 Luật Bầu cử (SFS 2005:837). Trường hợp nhiều ứng cử viên nhận được số liệu so sánh giống nhau, kết quả bầu cử sẽ được quyết định bằng rút thăm.

7.4.3

Khi vị trí được bầu chỉ là một người, thì trên lá phiếu chỉ được ghi một cái tên.

Lá phiếu bầu sẽ không hợp lệ nếu:

- Ghi tên của hai hoặc nhiều hơn hai người;

- Ghi tên của ứng cử viên không đủ điều kiện;
- Ghi tên nhưng đã bị gạch chéo;
- Không ghi rõ ai là người được bầu; hoặc
- Ghi tên nhóm đảng của ứng viên.

Các điều khoản về kết quả của cuộc bầu cử liên quan đến một cá nhân được quy định tại Điều 1 tới 3, 11 và 12, Chương 8; và Điều 1 đến 5, Chương 9.

7.4.4

Tại cuộc bầu cử tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín thì Chủ tịch Quốc hội sẽ mời 5 đại biểu Quốc hội cùng tham gia với mình tại bàn của Chủ tịch. Ba người trong số này sẽ trợ giúp trong việc mở và kiểm tra các lá phiếu còn hai người khác sẽ ghi lại kết quả của cuộc bỏ phiếu. Các đại biểu được gọi theo cách thức được quy định tại Điều khoản bổ sung 5.6.2. Khi gọi đến tên của đại biểu nào thì người này phải đi đến bàn của Chủ tịch Quốc hội và đưa lá phiếu của mình cho Chủ tịch Quốc hội.

Khi tất cả các lá phiếu đã được xác định là hợp lệ, được Chủ tịch Quốc hội đọc và Thư ký Hội trường cùng hai đại biểu sẽ ghi lại kết quả, sau đó sẽ tiến hành so sánh các ghi chép của các vị này. Chủ tịch Quốc hội xác lập kết quả của cuộc bầu cử và thông báo trước Quốc hội.

7.4.5

Trong trường hợp có nhiều hơn hai cuộc bầu cử được tổ chức bằng cách bỏ phiếu kín thì Chủ tịch Quốc hội có thể quyết định các phiếu bầu cho tất cả các cuộc bỏ phiếu sẽ được phát trước khi có bất kỳ cuộc kiểm phiếu nào được thực hiện trừ khi có một đại biểu có yêu cầu khác.

Các khiếu nại về cuộc bỏ phiếu kín

Điều 5

Các khiếu nại về kết quả của các cuộc bỏ phiếu kín phải được một đại biểu Quốc hội đệ trình lên Hội đồng xem xét bầu cử của Quốc hội. Cuộc bầu cử vẫn hợp lệ không phụ thuộc bất cứ khiếu nại nào.

Điều khoản bổ sung

7.5.1

Các khiếu nại bằng văn bản về kết quả bầu cử phải được gửi lên Hội đồng xem xét Bầu cử của Quốc hội. Khiếu nại phải được gửi tới Ban thư ký Quốc hội trong vòng 5 ngày kể từ ngày mà kết quả cuộc bầu cử được thông báo trước Quốc

hội. Ngay khi kết thúc thời hạn khiếu nại, Chủ tịch Quốc hội phải thông báo trước một phiên họp của Quốc hội về tất cả các đơn khiếu nại nhận được. Chủ tịch Quốc hội phải ấn định một thời hạn để các bình luận liên quan đến các khiếu nại có thể được trình lên Hội đồng xem xét Bầu cử của Quốc hội. Khi kết thúc thời hạn để trình các bình luận, Chủ tịch Quốc hội phải gửi ngay lập tức các tài liệu khiếu nại tới Hội đồng xem xét Bầu cử. Chủ tịch Quốc hội cũng trình bày ngay ý kiến của mình với Hội đồng xem xét Bầu cử về các khiếu nại.

7.5.2

Hội đồng xem xét bầu cử phải tuyên bố một cuộc bầu cử vô hiệu và vô giá trị và sắp xếp một cuộc bầu cử lại nếu tìm thấy trong kết quả kiểm tra đơn khiếu nại rằng một quy định của Điều 4 hoặc các Điều khoản bổ sung từ 7.4.1 đến 7.4.5 không được thực hiện trong một cuộc bầu cử. Tuy nhiên cuộc bầu cử lại được sắp xếp chỉ khi có minh chứng về những gì đã xảy ra ảnh hưởng tới kết quả của cuộc bầu cử trước đó. Tuy nhiên, trong trường hợp có thể sửa chữa sai phạm bằng việc kiểm phiếu lại hoặc các biện pháp khác, Hội đồng xem xét Bầu cử phải trình bày với Chủ tịch Quốc hội để có biện pháp sửa chữa cần thiết.

7.5.3

Các lá phiếu và các tài liệu khác liên quan đến cuộc bầu cử phải được giữ ở nơi an toàn cho đến khi kết quả của cuộc bầu cử có hiệu lực.

Số lần và tính hợp lệ của cuộc bầu cử

Điều 6

Các cuộc bỏ phiếu liên quan đến giai đoạn tương ứng với nhiệm kỳ bầu cử của Quốc hội phải được tổ chức vào thời gian sớm nhất có thể sau khi bắt đầu nhiệm kỳ bầu cử và sẽ có hiệu lực đến khi Quốc hội tổ chức một cuộc bầu cử mới trong nhiệm kỳ tiếp theo, trừ trường hợp Quốc hội có quy định khác.

Bầu cử lại

Điều 7

Trường hợp một đại biểu mới được nhận ghế của mình trong Quốc hội do việc sửa đổi, bổ sung kết quả cuộc bầu cử vào Quốc hội theo đơn khiếu nại, các cuộc bỏ phiếu được Quốc hội tổ chức sớm hơn trong nhiệm kỳ bầu cử sẽ được tổ chức lại nếu có yêu cầu của ít nhất 10 đại biểu Quốc hội.

Bầu cử thành viên dự khuyết

Điều 8

Trong trường hợp phải bầu chọn hai hoặc nhiều hơn hai người thì số thành viên dự khuyết được bầu ít nhất phải bằng số thành viên chính thức, trừ trường hợp Quốc hội có quy định khác. Các quy định liên quan đến việc bầu cử các thành viên chính thức cũng được áp dụng tương tự đối với các thành viên dự khuyết. Khi Quốc hội tổ chức bầu cử một cơ quan của Quốc hội và bổ nhiệm các thành viên dự khuyết trong liên hệ này, Quốc hội có thể chấp thuận một sự thay đổi trong số lượng các thành viên dự khuyết của cơ quan đó, miễn là các thành viên dự khuyết không ít hơn số thành viên thường trực. Một đại biểu dự khuyết của Quốc hội đã được triệu tập để thi hành nghĩa vụ có thể được chỉ định là thành viên dự khuyết của Ủy ban mà thành viên vắng mặt đó là thành viên, nhưng không làm tăng số lượng các thành viên dự khuyết của Ủy ban. Trong trường hợp này, thủ tục đặt ra tại đoạn 1, Điều 12 sẽ được áp dụng.

Điều khoản bổ sung

7.8.1

Việc tăng số lượng thành viên dự khuyết vượt quá số lượng ban đầu được bầu sẽ do Ủy ban Đề cử chuẩn bị. Các cuộc bầu cử thành viên dự khuyết khi cần tăng số lượng thành viên dự khuyết sẽ được tổ chức trong thời gian sớm nhất.

7.8.2

Trừ khi có quy định khác hoặc được quyết định đặc biệt, số thành viên dự khuyết được bầu phải bằng số thành viên chính thức.

7.8.3

Các quy định liên quan đến các thành viên dự khuyết được nêu, trong trường hợp Hội đồng lập pháp, tại Điều khoản bổ sung 1.5.2; trong trường hợp Hội đồng khen thưởng Bộ trưởng, tại Điều 4, Chương 8; trong trường hợp Hội đồng khen thưởng Thanh tra Quốc hội và Tổng kiểm toán, tại Điều 5, Chương 8; trong trường hợp Hội đồng tư vấn về các vấn đề đối ngoại, tại Điều 8, Chương 8; trong trường hợp Hội đồng Nghị viện của Văn phòng Kiểm toán Quốc gia, tại Điều 14, Chương 8; và trong trường hợp Phái đoàn Chiến tranh, tại Điều 15, Chương 8.

Sự tham dự của các thành viên dự khuyết

Điều 9

Trừ khi Quốc hội có quy định khác, một thành viên dự khuyết thuộc cùng một nhóm đảng phái sẽ được thay thế một thành viên được bầu của một cơ quan

thuộc Quốc hội. Nếu điều này là không thể, thành viên dự khuyết sẽ được lựa chọn theo thứ tự mà họ được bầu hoặc nếu cuộc bầu cử được tổ chức dựa trên việc sử dụng một danh sách đã được chấp nhận, thứ tự lựa chọn sẽ tuân theo thứ tự tên trong danh sách.

Điều khoản bổ sung

Không đủ điều kiện

Điều 10

Trừ trường hợp Quốc hội có quy định khác, một người được bầu tại Hội trường cho một vị trí mà tư cách thành viên của Quốc hội là điều kiện tiên quyết, phải từ chối việc bổ nhiệm nếu người đó rời khỏi Quốc hội hoặc được bổ nhiệm làm Chủ tịch Quốc hội hay một Bộ trưởng.

Điều khoản bổ sung

7.10.1

Các quy định liên quan đến việc không đủ tư cách thành viên của nhiều cơ quan khác nhau được nêu, trong trường hợp Chủ tịch Quốc hội tại Điều 12, Chương 10 Luật tổ chức Nhà nước, và trong Điều 5, Chương 1, Điều 15, Chương 8 của Luật này; trong trường hợp một đại biểu của Quốc hội cũng là Bộ trưởng tại Điều 15, Chương 8 của Luật này; và trong trường hợp một đại biểu phải rời khỏi Quốc hội trong Điều khoản bổ sung 8.6.2 của Luật này.

Điều kiện và nghĩa vụ chấp nhận việc bổ nhiệm

Điều 11

Chỉ công dân của Thụy Điển mới có quyền nắm giữ một vị trí được Quốc hội bầu. Các điều khoản về yêu cầu quyền công dân của Thụy Điển đối với Thanh tra Quốc hội và Tổng kiểm toán được quy định trong Điều 6, Chương 12 Luật tổ chức Nhà nước.

Một người được Quốc hội bầu vào một vị trí thì không thể từ chối vị trí đó nếu không có sự đồng ý của Quốc hội.

Người kế nhiệm

Điều 12

Trong trường hợp một người được bầu từ hai hoặc nhiều hơn các ứng viên vào một cơ quan thuộc Quốc hội từ lúc bắt đầu nhiệm kỳ bầu cử bằng việc bổ nhiệm thông qua một cuộc bầu cử từ chức trước thời hạn, nhóm hoặc các nhóm đảng phái mà người đó là thành viên phải thông báo với Chủ tịch Quốc hội tên của

người kế nhiệm. Chủ tịch Quốc hội sẽ tuyên bố người được đề cử như một người kế nhiệm cần được bầu. Nếu không có tên nào được đưa ra, hoặc nếu có nhiều hơn một người được đề cử, Chủ tịch Quốc hội sẽ chỉ định người kế nhiệm. Trường hợp một ghế trống trước thời hạn và cuộc bầu cử ban đầu liên quan đến duy nhất một người, thủ tục tương tự sẽ được áp dụng trong cuộc bầu cử bổ sung vào thời gian còn lại của nhiệm kỳ như được áp dụng trong trường hợp bầu cử ban đầu. Các quy định của nguyên tắc này được áp dụng trừ trường hợp Quốc hội có quy định khác.

Việc bầu Chủ nhiệm

Điều 13

Một cơ quan có các thành viên được Quốc hội bầu toàn bộ hay một phần, phải tiến hành bầu chọn trong số các thành viên của mình một người làm chủ nhiệm và một hoặc một số phó chủ nhiệm, trừ khi có quy định khác.

Điều khoản bổ sung

7.13.1

Các quy định liên quan đến việc bầu Chủ nhiệm và Phó chủ nhiệm được đặt ra, trong trường hợp Hội đồng xem xét bầu cử tại Điều 12, Chương 3 Luật tổ chức Nhà nước và Điều 2, Chương 8 Luật này; trong trường hợp Hội đồng khen thưởng Bộ trưởng tại Điều 4, Chương 8 Luật này; trong trường hợp Hội đồng khen thưởng Thanh tra Quốc hội và Tổng kiểm toán tại Điều 5, Chương 8; trong trường hợp Hội đồng Nghị viện của Văn phòng Kiểm toán Quốc gia tại Điều 14, Chương 8; và trong trường hợp Ban khiếu nại của Quốc hội tại Điều 5, Chương 9 của Luật này.

Bầu cử trong phạm vi các cơ quan của Quốc hội

Điều 14

Các cuộc bầu cử trong phạm vi một cơ quan của Quốc hội tại Điều 13 được tiến hành bằng hình thức tán thưởng hoặc bằng hình thức bỏ phiếu kín, nếu có một thành viên yêu cầu.

Điều khoản bổ sung

7.14.1

Các lá phiếu phải dưới dạng các tờ đơn lẻ, gấp lại và không đánh dấu, và phải giống nhau về kích thước, chất liệu và màu sắc. Trong trường hợp có số phiếu bằng nhau thì kết quả của cuộc bầu cử được quyết định bằng rút thăm.

Chương 8

MỘT SỐ CƠ QUAN VÀ QUAN CHỨC CỦA QUỐC HỘI

Bầu cử Chủ tịch Quốc hội

Điều 1

Việc bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội thứ nhất, Phó Chủ tịch Quốc hội thứ hai, Phó Chủ tịch Quốc hội thứ ba theo quy định tại Điều 2, Chương 4 Luật tổ chức Nhà nước được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của Quốc hội tại Hội trường trong nhiệm kỳ Quốc hội và có hiệu lực cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội. Mỗi vị trí này được bầu riêng biệt theo thứ tự được ghi ở trên.

Trong trường hợp cuộc bầu cử được tổ chức bằng cách bỏ phiếu kín thì ứng cử viên nhận được hơn một nửa số phiếu là người trúng cử. Nếu không ai đạt được đa số phiếu theo quy định thì tổ chức một cuộc bầu cử mới. Trong trường hợp không đại biểu nào nhận được hơn một nửa số phiếu đã bỏ thì cuộc bầu cử thứ ba sẽ được tổ chức giữa hai ứng cử viên nhận được số phiếu cao nhất trong lần bầu cử thứ hai. Người nhận được nhiều phiếu hơn cả trong lần bầu cử thứ ba là người trúng cử.

Bầu cử Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Hội đồng xem xét bầu cử

Điều 2

Các quy định liên quan đến cuộc bầu cử Chủ nhiệm Hội đồng xem xét bầu cử được nêu trong Điều 12, Chương 3 Luật tổ chức Nhà nước.

Quốc hội chỉ định một Phó chủ nhiệm Hội đồng xem xét bầu cử bằng một cuộc bầu cử riêng. Các quy tắc được đặt ra tại Điều 12, Chương 3 Luật tổ chức Nhà nước liên quan đến việc bầu cử Chủ nhiệm cũng sẽ được áp dụng tương tự cho việc bầu cử Phó Chủ nhiệm.

Khi Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm được bầu bằng cách bỏ phiếu kín, các thủ tục quy định tại đoạn 2, Điều 1 sẽ được áp dụng.

Bầu cử Quan Nhiếp Chính

Điều 3

Trong cuộc bầu cử Nhiếp Chính, hoặc Phó Nhiếp chính bằng cách bỏ phiếu kín theo quy định tại Điều 5, Chương 5 Luật tổ chức Nhà nước, hoặc người đủ điều kiện để nắm giữ chức vụ như một Nhiếp chính tạm thời theo quy định tại Điều 7, Chương 5 Luật tổ chức Nhà nước, các thủ tục được đặt ra tại đoạn 2, Điều 1 sẽ

được áp dụng. Cuộc bầu cử sẽ có hiệu lực cho đến khi Quốc hội có quyết định khác.

Hội đồng khen thưởng Bộ trưởng

Điều 4

Hội đồng khen thưởng bộ trưởng bao gồm một Chủ nhiệm và hai thành viên khác. Các thành viên này được Quốc hội bầu từng người một sau mỗi cuộc bầu cử Quốc hội thông thường và làm việc cho đến khi Hội đồng mới được bầu. Hội đồng này không có các thành viên dự khuyết.

Trong trường hợp vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà thành viên không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì Quốc hội sẽ tổ chức bầu người thay thế để thực hiện nhiệm vụ trong thời gian đó.

Điều khoản bổ sung

8.4.1

Quá trình bầu chọn thành viên của Hội đồng Khen thưởng Bộ trưởng sẽ do Ủy ban về Hiến pháp chuẩn bị.

Hội đồng khen thưởng của Thanh tra Quốc hội và Tổng kiểm toán

Điều 5

Hội đồng khen thưởng của Thanh tra Quốc hội và Tổng kiểm toán bao gồm một Chủ nhiệm và hai thành viên khác. Các thành viên này được Quốc hội bầu từng người một sau mỗi cuộc bầu cử Quốc hội thông thường và làm việc cho đến khi Hội đồng mới được bầu. Hội đồng này không có các thành viên dự khuyết.

Trong trường hợp vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà thành viên không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì Quốc hội sẽ tổ chức bầu người thay thế để thực hiện nhiệm vụ trong thời gian đó.

Điều khoản bổ sung

8.5.1

Quá trình bầu chọn thành viên của Hội đồng Khen thưởng của Thanh tra Quốc hội và Tổng kiểm toán sẽ do Ủy ban Hiến pháp chuẩn bị.

Các phái đoàn quốc tế

Điều 6

Trường hợp một thỏa thuận quốc tế được ký kết với kết quả là Quốc hội chỉ định ra một phái đoàn tại một tổ chức quốc tế từ trong số các đại biểu, các quy tắc liên quan đến điều này được quy định trong Điều khoản bổ sung của Điều này.

Điều khoản bổ sung

8.6.1

Quốc hội lựa chọn 20 thành viên của Phái đoàn Thụy Điển tới Hội đồng Bắc Âu. Phái đoàn được bầu trong từng kỳ họp Quốc hội. Phái đoàn có trách nhiệm báo cáo hàng năm cho Quốc hội về hoạt động của mình.

8.6.2

Quốc hội lựa chọn 6 thành viên của Phái đoàn Thụy Điển tại Hội đồng Châu Âu. Phái đoàn được bầu cho nhiệm kỳ từ ngày 1 tháng 11 của năm tiến hành cuộc bầu cử vào Quốc hội cho tới ngày tương ứng của cuộc bầu cử mới tiếp theo. Một thành viên hay một thành viên dự khuyết của Phái đoàn Thụy Điển tại Ủy ban Châu Âu đã rời Quốc hội vì lý do bầu cử Quốc hội, có thể tiếp tục làm việc trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ làm việc của Phái đoàn.

Phái đoàn có trách nhiệm báo cáo thường niên cho Quốc hội về hoạt động của mình.

8.6.3

Quốc hội lựa chọn 8 thành viên của Phái đoàn Thụy Điển tới Tổ chức An ninh và Hợp tác của Châu Âu. Phái đoàn được bầu cho nhiệm kỳ bầu cử của Quốc hội.

Phái đoàn có trách nhiệm báo cáo thường niên với Quốc hội về hoạt động của mình.

Bầu cử vào Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Trung ương Thụy Điển

Điều 7

Cuộc bầu cử thành viên của Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thụy điển theo quy định tại Điều 13, Chương 9 Luật tổ chức Nhà nước có hiệu lực trong nhiệm kỳ bầu cử của Quốc hội.

Điều khoản bổ sung

8.7.1

Một thành viên của Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thụy Điển:

- Không phải là một Bộ trưởng;
- Không phải là thành viên Ban Giám đốc của Ngân hàng Trung ương Thụy Điển;
- Không phải là thành viên hội đồng hoặc thành viên hội đồng dự khuyết của một ngân hàng thương mại hoặc tổ chức khác chịu sự giám sát của Cơ quan giám sát tài chính;
- Không nắm giữ bất kỳ công việc nào hoặc được bổ nhiệm vào vị trí nào khiến cho thành viên này không thích hợp cho việc trở thành thành viên của Hội đồng quản trị.

Thành viên của Hội đồng quản trị cũng không thể là trẻ vị thành niên, người bị phá sản chưa phục hồi được, người bị tước quyền kinh doanh hoặc bị đặt dưới sự quản lý theo quy định tại Điều 7, Chương 11 Bộ luật Gia đình.

Nếu một thành viên chấp nhận làm việc hoặc một sự bổ nhiệm mà có thể gây ra mâu thuẫn với quy định tại đoạn 1, Quốc hội có thể bãi nhiệm thành viên đó khỏi vị trí trong Hội đồng quản trị theo kiến nghị của Ủy ban Tài chính. Bất kỳ công việc hay sự bổ nhiệm này được một thành viên của Hội đồng quản trị chấp nhận đều phải báo cáo trước Quốc hội.

Hội đồng Tư vấn các vấn đề Đối ngoại

Điều 8

Kết quả bầu cử các thành viên của Hội đồng Tư vấn các vấn đề Đối ngoại theo quy định tại Điều 12, Chương 10 Luật tổ chức Nhà nước có hiệu lực trong nhiệm kỳ của Quốc hội.

Một Phó Chủ tịch Quốc hội sẽ thay mặt Chủ tịch Quốc hội tại Hội đồng về các vấn đề đối ngoại. Số lượng các Thành viên dự khuyết của Hội đồng được bầu ra là chín người.

Điều 9

Hội đồng về các vấn đề Đối ngoại tổ chức họp kín. Thủ tướng Chính phủ có thể cho phép những người không phải là thành viên, thành viên dự khuyết, bộ trưởng hoặc các công chức tham dự.

Điều khoản bổ sung

8.9.1

Biên bản các cuộc họp của Hội đồng Tư vấn các vấn đề Đối ngoại được lưu giữ. Thư ký của Hội đồng sẽ do Chính phủ bổ nhiệm.

Các thành viên dự khuyết của Hội đồng luôn được thông báo về các phiên họp của Hội đồng.

8.9.2

Các thành viên, thành viên dự khuyết, và các công chức lần đầu tiên tham dự phiên họp của Hội đồng tư vấn các vấn đề Đối ngoại phải tuyên thệ sẽ thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ bảo mật theo quy định tại Điều 12, Chương 10 Luật tổ chức Nhà nước.

Điều 10

Hội đồng Tư vấn các vấn đề Đối ngoại được triệu tập theo lệnh của Chủ tịch Quốc hội hoặc, trong trường hợp Chủ tịch Quốc hội vắng mặt, thì sẽ do Phó Chủ tịch Quốc hội triệu tập, hoặc theo giấy triệu tập của hai thành viên khác của Hội đồng, với mục đích được quy định tại Điều 2, Chương 15 Luật tổ chức Nhà nước. Phiên họp sẽ do Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội điều khiển, hoặc trong trường hợp những người này không có mặt thì thành viên của Hội đồng là đại biểu Quốc hội lâu năm nhất sẽ điều khiển phiên họp. Nếu có hai hoặc nhiều hơn hai thành viên đều có thâm niên làm đại biểu Quốc hội bằng nhau thì người nhiều tuổi nhất sẽ điều khiển phiên họp. Khi biểu quyết để quyết định các vấn đề, nếu có số phiếu ngang nhau thì quyết định nào có sự ủng hộ của Chủ nhiệm Hội đồng thì được coi là quyết định của Hội đồng.

Thanh tra Quốc hội

Điều 11

Quốc hội bầu Thanh tra Quốc hội theo quy định tại Điều 6, Chương 13 Luật tổ chức Nhà nước để giám sát việc áp dụng các đạo luật và các quy chế khác trong các hoạt động công. Thanh tra Quốc hội bao gồm bốn thành viên, một người là Chánh Thanh tra Quốc hội, ba người là Thanh tra viên Quốc hội. Chánh Thanh tra Quốc hội đóng vai trò giám đốc hành chính của Văn phòng Thanh tra và quyết

định phần lớn các hoạt động chính của văn phòng. Quốc hội có thể bầu bổ sung một hoặc một số người làm Thanh tra viên dự khuyết. Các Thanh tra viên dự khuyết sẽ là những người trước đây từng giữ vị trí thanh tra Quốc hội.

Chánh Thanh tra Quốc hội, các Thanh tra Quốc hội khác và Thanh tra viên dự khuyết được bầu từng người một. Khi một Thanh tra Quốc hội được bầu bằng cách bỏ phiếu kín, thủ tục quy định tại đoạn 2, Điều 1 sẽ được áp dụng.

Thanh tra Quốc hội được bầu cho nhiệm kỳ từ ngày được bầu hoặc vào ngày sau cuộc bầu cử do Quốc hội xác định cho đến khi có một cuộc bầu cử mới tổ chức bốn năm sau đó và người sau đó được bầu sẽ đảm nhận nhiệm vụ. Tuy nhiên cuộc bầu cử không bao giờ có hiệu lực quá cuối năm đó. Nhiệm kỳ của Thanh tra viên dự khuyết là hai năm kể từ khi ngày được bầu hoặc vào ngày muộn hơn sau cuộc bầu cử do Quốc hội xác định. Tuy nhiên, theo yêu cầu của Ủy ban về Hiến pháp, Quốc hội có thể chấm dứt nhiệm vụ của Thanh tra viên hoặc Thanh tra viên dự khuyết trước thời hạn nói trên khi những người này không được Quốc hội tín nhiệm.

Trong trường hợp Thanh tra viên từ nhiệm trước khi nhiệm kỳ kết thúc thì trong thời gian sớm nhất có thể, Quốc hội sẽ bầu chọn một thành viên kế nhiệm cho một nhiệm kỳ bốn năm tiếp theo.

Điều khoản bổ sung

8.11.1

Theo đề nghị của mình hoặc theo yêu cầu của Thanh tra Quốc hội, Ủy ban Hiến pháp phải thảo luận với Thanh tra Quốc hội về quy trình thủ tục làm việc và các vấn đề tổ chức khác.

8.11.2

Việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử Thanh tra Quốc hội và Thanh tra viên Quốc hội dự khuyết sẽ do Ủy ban về Hiến pháp tiến hành.

Văn phòng Kiểm toán Quốc gia

Điều 12

Quốc hội bầu ba Tổng kiểm toán, theo quy định tại Điều 8, Chương 13 Luật tổ chức Nhà nước. Tổng kiểm toán được bầu từng người một. Khi cuộc bầu cử được tổ chức bằng hình thức bỏ phiếu kín, quy trình thủ tục được đặt ra trong đoạn 2, Điều 1 sẽ được áp dụng. Kết quả bầu cử Tổng kiểm toán sẽ có hiệu lực kể từ ngày được bầu, hoặc vào ngày muộn hơn do Quốc hội quyết định, cho tới khi tổ

chức một cuộc bầu cử mới vào 7 năm sau đó và người được bầu sau đó sẽ đảm nhận nhiệm vụ. Tuy nhiên cuộc bầu cử không bao giờ có hiệu lực quá cuối năm đó. Một Tổng kiểm toán không thể được bầu lại cho một nhiệm kỳ mới.

Một trong các Tổng kiểm toán sẽ chịu trách nhiệm quản lý hành chính và chỉ đạo các công việc quản lý hành chính của Văn phòng. Quốc hội sẽ quyết định Tổng kiểm toán nào đảm nhận trách nhiệm này.

Một Tổng kiểm toán không thể là người bị phá sản chưa được phục hồi quyền hoặc bị tước quyền kinh doanh, hoặc bị đặt dưới sự quản lý theo quy định tại Điều 7, Chương 11 Bộ luật Gia đình. Tổng kiểm toán cũng không được đảm nhận bất kỳ công việc nào hoặc được bổ nhiệm hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động nào có thể ảnh hưởng đến địa vị độc lập của mình.

Điều khoản bổ sung

8.12.1

Việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử Tổng kiểm toán do Ủy ban Hiến pháp tiến hành.

8.12.2

Một Tổng kiểm toán phải báo cáo bằng văn bản các trường hợp sau đây tới Quốc hội:

- Bất kỳ quyền sở hữu hay thay đổi quyền sở hữu các công cụ tài chính theo quy định tại Mục 1, Chương 1 Luật trao đổi các công cụ tài chính (SFS 1991:980);
- Bất kỳ thỏa thuận nào có tính chất tài chính với người sử dụng lao động cũ, chẳng hạn như một thỏa thuận liên quan đến lương hay lương hưu được trả trong suốt thời gian người đó được bổ nhiệm tại Văn phòng Kiểm toán Quốc gia;
- Bất kỳ hoạt động nào tạo thu nhập mà không có tính chất hoàn toàn nhất thời;
- Bất kỳ hoạt động nào tạo thu nhập ngoài việc là tổng kiểm toán;
- Bất kỳ sự bổ nhiệm tại một Hội đồng tỉnh hoặc thành phố, nếu việc bổ nhiệm không có tính chất thuần túy tạm thời; và

- Bất kỳ việc làm nào, sự bổ nhiệm hoặc quyền sở hữu nào có thể được cho là ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 13

Quốc hội có thể bãi nhiệm một Tổng kiểm toán theo yêu cầu của Ủy ban Hiến pháp.

Trường hợp một Tổng kiểm toán nghỉ hưu trước thời hạn, Quốc hội sẽ tổ chức bầu ngay người kế nhiệm cho nhiệm kỳ 7 năm mới.

Điều 14

Quốc hội bầu Hội đồng các vấn đề lập pháp của Văn phòng Kiểm toán Quốc gia trong nhiệm kỳ bầu cử của Quốc hội. Mỗi nhóm đảng phái tương ứng với đảng nhận được ít nhất 4% tổng số phiếu bầu trên cả nước tại cuộc bầu cử vào Quốc hội cử một thành viên tham gia trong Hội đồng.. Không có thành viên dự khuyết nào được bổ nhiệm.

Quốc hội bầu một Chủ nhiệm và một hoặc nhiều hơn một Phó chủ nhiệm trong số các thành viên của Hội đồng. Chủ nhiệm và mỗi Phó chủ nhiệm được bầu riêng rẽ.

Phái đoàn chiến tranh

Điều 15

Quốc hội bầu một Phái đoàn Chiến tranh trong số các đại biểu, theo quy định tại Điều 2, Chương 15 Luật tổ chức Nhà nước.

Phái đoàn Chiến tranh của Quốc hội gồm Chủ tịch Quốc hội làm Chủ nhiệm và năm mươi thành viên khác do Quốc hội bầu theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

Mọi đại biểu Quốc hội đều có thể trở thành thành viên của Phái đoàn Chiến tranh, dù người đó có là bộ trưởng hay không.

Không có thành viên dự khuyết nào được bầu đối với Phái đoàn Chiến tranh. Nếu một đại biểu vĩnh viễn không được tham gia sau khi Phái đoàn chiến tranh thay thế Quốc hội, một đại biểu Quốc hội khác sẽ được bầu để thay thế vị trí của người này theo quy định tại đoạn 1, Điều 12, Chương 7.

Điều khoản bổ sung

8.15.1

Chủ nhiệm và Phó chủ nhiệm Phái đoàn chiến tranh chuẩn bị các hoạt động của Phái đoàn trong trường hợp Phái đoàn thay thế Quốc hội

Các quy định đặt trong câu thứ nhất của đoạn 1, và đoạn 2 Điều 13, Chương 4 và các Điều khoản bổ sung 4.12.1 (đoạn 2) và 4.12.4 cũng được áp dụng cho Phái đoàn chiến tranh vào thời gian Phái đoàn không hoạt động thay thế Quốc hội.

Các quy tắc bổ sung

Điều 16

Quốc hội có thể áp dụng thêm các quy tắc chi tiết hơn liên quan đến các cơ quan của Quốc hội và chỉ định người đại diện trong một số trường hợp nhất định.

Điều khoản bổ sung

8.16.1

Quốc hội ban hành các quy chế về Quỹ Kỷ niệm 300 năm của Ngân hàng Trung ương Thụy Điển và bầu 12 thành viên Hội đồng quản trị của Quỹ phù hợp với Điều 13 Quy chế của Quỹ (RFS 1988:1)

Quỹ có trách nhiệm báo cáo thường niên cho Quốc hội về hoạt động của mình.

8.16.2

Theo quy định tại Mục 4 Luật về bổ nhiệm các thẩm phán được hưởng lương vĩnh viễn (2010:1390), Quốc hội bầu 2 thành viên đại diện cho công chúng trong Ủy ban về các thẩm phán và một cá nhân thay thế cho mỗi người.

Chương 9

CÁC ĐIỀU KHOẢN LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN SỰ

VÀ HÀNH CHÍNH

Điều 1

Quốc hội bổ nhiệm Tổng Thư ký Quốc hội. Tổng Thư ký Quốc hội phải đảm bảo việc ghi biên bản cuộc họp của Quốc hội tại Hội trường. Tổng Thư ký phải gửi đi các quyết định của Quốc hội và giúp Chủ tịch Quốc hội thực hiện công việc của Quốc hội trên cách phương diện khác. Tổng Thư ký Quốc hội cũng đóng vai trò là người đứng đầu Văn phòng Quốc hội và Thư ký Phái đoàn Chiến tranh.

Việc bầu Tổng Thư ký Quốc hội được tổ chức vào đầu mỗi kỳ họp ngay sau cuộc tổng tuyển cử vào Quốc hội và có giá trị trong suốt nhiệm kỳ cho tới khi một cuộc bầu cử Tổng Thư ký mới được tổ chức. Việc bầu cử phải có sự chuẩn bị trước.

Trường hợp cuộc bầu cử được tổ chức bằng hình thức bỏ phiếu kín, sau đó ứng cử viên nhận được ba phần tư hoặc nhiều hơn số lượng phiếu bầu sẽ được chọn. Nếu không ai nhận được ba phần tư hay nhiều hơn số lượng phiếu bầu, cuộc bầu cử mới sẽ được tổ chức. Nếu không ứng cử viên nào nhận được ba phần tư hay nhiều hơn số lượng phiếu bầu trong lần bầu cử tiếp theo này, cuộc bầu cử sẽ được chuẩn bị lại một lần nữa.

Điều khoản bổ sung

9.1.1

Cuộc bầu cử Tổng Thư ký Quốc hội phải được chuẩn bị bởi một nhóm bao gồm Chủ tịch và các đại diện đặc biệt của các nhóm đảng phái.

Ban thư ký của các Ủy ban và Ủy ban các vấn đề về Liên minh Châu Âu

Điều 2

Các Ủy ban của Quốc hội và Ủy ban các vấn đề về Liên minh Châu Âu có các ban thư ký giúp việc các ban này là các đơn vị của Văn phòng Quốc hội. Người đứng đầu mỗi ban thư ký phải là công dân của Thụy Điển.

Văn phòng Quốc hội

Điều 3

Quốc hội ban hành các hướng dẫn cho Văn phòng Quốc hội.

Điều 4

Đối với các công việc của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, trong phạm vi do Quốc hội quyết định, Văn phòng Quốc hội phải:

1. Giải quyết các vấn đề liên quan đến các điều khoản tuyển dụng, điều kiện làm việc của nhân viên và các vấn đề khác về người lao động;
2. Soạn thảo các kiến nghị chi ngân sách thuộc ngân sách quốc gia, nhưng không theo cách làm của Văn phòng Kiểm toán Quốc gia;
3. Giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc hành chính của Quốc hội nói chung, và các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính của các cơ quan Quốc hội, ngoại trừ Ngân hàng Trung ương Thụy Điển; và
4. Áp dụng các quy định và khuyến nghị về các vấn đề nêu ở điểm 1 đến 3.

Khiếu nại

Điều 5

Việc khiếu nại đối với quyết định của các cơ quan Quốc hội trong lĩnh vực hành chính được đệ trình theo các điều khoản đặc biệt có liên quan sẽ được một tòa án hành chính xét xử trong các trường hợp do Quốc hội quyết định và các trường hợp khác là do Ban Khiếu nại của Quốc hội xác định.

Ban Khiếu nại bao gồm một Chủ nhiệm là người đang hoặc đã nhận được sự bổ nhiệm làm một thẩm phán được hưởng lương vĩnh viễn, và không phải là thành viên của Quốc hội, cùng 4 thành viên khác được Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội. Chủ nhiệm Ban được bầu riêng. Kết quả cuộc bầu cử Ban khiếu nại có hiệu lực trong nhiệm kỳ Quốc hội.

Chủ nhiệm Ban Khiếu nại có một cấp phó. Các quy định áp dụng cho vị trí Chủ nhiệm cũng được áp dụng cho Phó Chủ nhiệm. Tại cuộc bầu cử Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín, các thủ tục quy định tại đoạn 2, Điều 1, Chương 8 sẽ được áp dụng.

Thù lao của các Đại biểu và các điều khoản về tài chính và các điều kiện khác

Điều 6

Đại biểu Quốc hội được quyền nhận thù lao ngoài các khoản từ quỹ công. Các quy định liên quan đến các vấn đề này, các điều khoản về tài chính và các điều kiện khác liên quan đến thẩm quyền, và các khoản thù lao cho người dự khuyết cho đại biểu Quốc hội do được pháp luật quy định.

Hỗ trợ với thông tin thực tế

Điều 7

Các đại biểu Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội có quyền truy cập vào các dịch vụ của thư viện và có quyền được hỗ trợ nói chung trong việc thu thập các thông tin thực tế phục vụ công việc tại Quốc hội của mình.

Truy tố

Điều 8

Việc truy tố các quan chức được liệt kê dưới đây về những vi phạm trong khi thi hành công vụ có thể được quyết định:

Chỉ do Ủy ban Tài chính trong trường hợp truy tố một thành viên của Hội đồng quản trị Ngân hàng Trung ương Thụy điển hoặc một thành viên của Ban Giám đốc Ngân hàng Thụy điển;

Chỉ do Ủy ban Hiến pháp trong trường hợp truy tố một thành viên của Hội đồng xem xét bầu cử, hoặc Ban khiếu nại Quốc hội hoặc một trong các Thanh tra Quốc hội, một trong các Tổng kiểm toán hoặc của Tổng Thư ký Quốc hội.

Các quy định đặt ra trong đoạn 1 liên quan đến việc truy tố một thành viên của Hội đồng quản trị Ngân hàng Trung ương Thụy điển có thể không được áp dụng đối với tội khi đang thi hành công vụ theo quyền lực lập pháp của Quốc hội theo quy định tại Luật về Kiểm soát giao dịch và Quy chế tín dụng (SFS 1992:1602).

Điều khoản bổ sung

9.8.1

Các điều khoản đặc biệt sẽ được áp dụng đối với quyền quyết định truy tố các quan chức đặc biệt khác ngoài những người nêu trên trong Điều 8.

Chương 10

THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN LIÊN MINH CHÂU ÂU

Thông tin từ Liên minh châu Âu (EU)

Điều 1

Quốc hội nhận những thông báo bằng văn bản về hoạt động của Liên minh Châu Âu từ các tổ chức của Liên minh phù hợp với các nghị định thư của các hiệp ước của Liên minh

Nghĩa vụ của Chính phủ trong việc thông báo hoạt động liên quan đến Liên minh Châu Âu cho Quốc hội

Điều 2

Phù hợp với quy định tại Điều 10, Chương 10 Luật tổ chức Nhà nước, Chính phủ phải thường xuyên thông báo cho Quốc hội về những diễn biến trong khuôn khổ hợp tác Liên minh Châu Âu.

Chính phủ phải thông báo cho Quốc hội các hoạt động của mình tại Liên minh Châu Âu và trình Quốc hội báo cáo hàng năm về hoạt động của mình tại Liên minh Châu Âu.

Chính phủ cũng có nghĩa vụ thông báo cho Quốc hội quan điểm của mình liên quan đến các tài liệu từ Liên minh Châu Âu.

Điều 3

Chính phủ có trách nhiệm thông báo cho Quốc hội các quan điểm của mình liên quan đến các tài liệu được các tổ chức của Liên minh Châu Âu gửi mà Chính phủ cho là quan trọng.

Công việc của các Ủy ban đối với công việc liên quan đến Liên minh Châu Âu

Điều 4

Ủy ban có trách nhiệm theo dõi hoạt động của Liên minh Châu Âu trong phạm vi lĩnh vực giao cho Ủy ban theo quy định ở Điều 4 đến Điều 6 và các Điều khoản bổ sung ở Chương 4.

Chính phủ phải thảo luận với các Ủy ban về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Liên minh Châu Âu do các Ủy ban quyết định. Các Ủy ban có thể quyết định các cuộc thảo luận này công khai với công chúng. Nếu không các quy định về các phiên họp công khai và phiên họp kín theo quy định tại Điều 13 và các Điều khoản bổ sung tại Chương 4 sẽ được áp dụng.

Nếu có yêu cầu của ít nhất 5 thành viên của một Ủy ban, Ủy ban đó có thể quyết định tổ chức các cuộc thảo luận với Chính phủ theo quy định tại đoạn 2. Ủy ban có thể từ chối yêu cầu nếu hành động như vậy làm trì hoãn việc xem xét các vấn đề mà kết quả có thể gây thiệt hại nghiêm trọng. Trong trường hợp này, Ủy ban sẽ nêu trong biên bản lý do của việc từ chối yêu cầu.

Các quy định về nghĩa vụ của Chính phủ và các cơ quan Nhà nước khác trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Liên minh Châu Âu được nêu tại Điều 11, Chương 4.

Xem xét các tài liệu của Liên minh Châu Âu

Điều 5

Quốc hội có trách nhiệm xem xét các sách trắng và sách xanh được chuyển tới Quốc hội theo các cách thức quy định tại đoạn này. Sau khi thảo luận với các đại diện đặc biệt của các nhóm đảng phái, Chủ tịch Quốc hội sẽ quyết định rằng,

các tài liệu khác từ Liên minh Châu Âu, ngoài các dự thảo lập pháp, sẽ được xem xét theo cách thức này.

Theo quy định tại Điều 1 tới Điều 7, Chương 4, Quốc hội sẽ chuyển tài liệu tới Ủy ban có liên quan được quy định từ Điều 4 tới Điều 6 và các Điều khoản bổ sung tại Chương 4 để thẩm tra.

Các quy định tại Điều 8, Chương 4, áp dụng cho việc thẩm tra tài liệu của các ủy ban. Ủy ban sẽ nhận được các thông tin cần thiết từ Chính phủ. Ủy ban có trách nhiệm công bố việc thẩm tra của mình trong một thông báo tới Quốc hội. Điều 15 tới 16, Chương 4 được áp dụng cho các quyết định liên quan đến thông báo này.

Quốc hội quyết định về thông báo do ủy ban đưa ra, phù hợp với các quy định đặt ra tại Điều 10, Chương 4; Điều 1, 3 tới 7 Chương 5; và các Điều khoản bổ sung có liên quan.

Các quy định liên quan đến nghĩa vụ của Chính phủ và các cơ quan Nhà nước khác trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Liên minh Châu Âu cho các Ủy ban được nêu trong Điều 11, Chương 4.

Kiểm soát phụ trợ

Điều 6

Quốc hội có trách nhiệm kiểm tra liệu các dự thảo lập pháp có xung đột với các nguyên tắc phụ trợ hay không.

Phù hợp với quy định tại Điều 1 tới Điều 7, Chương 4, Quốc hội sẽ chuyển dự thảo luật tới Ủy ban có liên quan theo quy định tại Điều 4 tới 6, Chương 4 và các Điều khoản bổ sung có liên quan để thẩm tra.

Điều 8, Chương 4 được áp dụng cho việc thẩm tra của Ủy ban. Trong vòng 2 tuần kể từ ngày Ủy ban yêu cầu, Chính phủ có trách nhiệm thông báo với Ủy ban đánh giá của mình liên quan đến việc áp dụng các nguyên tắc phụ trợ trong dự thảo luật.

Nếu một Ủy ban xem xét dự thảo luật xung đột với các nguyên tắc phụ trợ, Ủy ban có trách nhiệm chuyển thông báo tới Quốc hội với đề xuất rằng Quốc hội nên gửi ý kiến hợp lý tới Chủ tịch của Nghị viện Châu Âu, Hội đồng và Ủy ban Châu Âu, Ủy ban cũng có trách nhiệm gửi thông báo tới Quốc hội nếu có đề nghị của ít nhất 5 thành viên của Ủy ban đó. Nếu không Ủy ban phải báo cáo với Quốc

hội thông qua trích lục từ các biên bản họp chỉ ra dự thảo luật lập pháp đó không xung đột với các nguyên tắc phụ trợ.

Các quy định tại Điều 15 và 16 Chương 4 được áp dụng cho quyết định của Ủy ban khi đưa ra một thông báo. Quốc hội quyết định về thông báo đó, phù hợp với các quy định tại Điều 10, Chương 4; Điều 1, 3 đến 7 và 10 Chương 5; và các Điều khoản bổ sung có liên quan.

Ủy ban Hiến pháp có trách nhiệm theo dõi việc áp dụng các nguyên tắc phụ trợ và thông báo thường niên cho Quốc hội về các đánh giá của mình.

Các thành viên của Hội nghị sửa đổi Hiệp ước trong Liên minh Châu Âu

Điều 7

Từ trong số các đại biểu Quốc hội, Quốc hội bầu ra các thành viên và thành viên dự khuyết tham dự các hội nghị được thiết lập để chuẩn bị sửa đổi Hiệp ước của Liên minh Châu Âu.

Nếu cuộc bầu cử vào Quốc hội diễn ra khi Hội nghị đang được tiến hành, Quốc hội sẽ bầu ra các thành viên mới và các thành viên dự khuyết mới tham gia Hội nghị sau khi tiến hành xong cuộc bầu cử vào Quốc hội.

Nếu không, các quy định từ Điều 2 đến Điều 5 và Điều 7, Chương 7 sẽ được áp dụng cho việc bầu cử các thành viên tham gia Hội nghị và Điều 9, Chương 7 sẽ quy định nhiệm vụ của những người này. Các thành viên tham gia Hội nghị phải trình bày thông tin về công việc tại Hội nghị trong các phiên họp của Quốc hội.

Thông qua các sáng kiến của Liên minh Châu Âu

Điều 8

Quốc hội chấp thuận hoặc từ chối các sáng kiến từ Hội đồng Châu Âu để quyết định việc ủy quyền cho Hội đồng nhằm sửa đổi thủ tục ra quyết định tại một lĩnh vực cụ thể hoặc một trường hợp cụ thể từ nhất trí đến đa số đủ điều kiện hoặc từ một thủ tục lập pháp đặc biệt tới thủ tục lập pháp thông thường. Tương tự, Quốc hội chấp thuận hoặc từ chối các đề xuất từ Ủy ban Châu Âu xác định các khía cạnh của luật gia đình có hậu quả xuyên biên giới và có thể là đối tượng của các đạo luật được thông qua phù hợp với thủ tục lập pháp thông thường.

Phù hợp với quy định tại Điều 1 tới Điều 7, Chương 4, Quốc hội chuyển các sáng kiến tới Ủy ban có liên quan quy định tại Điều 4 đến 6, và các Điều khoản bổ sung tại Chương 4, để thẩm tra.

Quy định tại Điều 8, Chương 4 được áp dụng đối với việc xem xét của Ủy ban. Ủy ban có quyền thu thập các thông tin cần thiết từ Chính phủ. Ủy ban có trách nhiệm trình bày các đề xuất của mình cho việc quyết định trong một thông báo gửi Quốc hội.

Quy định tại Điều 15 và 16, Chương 4 được áp dụng cho việc quyết định đưa ra thông báo.

Quốc hội quyết định về thông báo do Ủy ban đưa ra, phù hợp với các quy định tại Điều 10, Chương 4; Điều 1, 3 đến 7 và 10 Chương 5; và các Điều khoản bổ sung có liên quan.

Quốc hội có trách nhiệm thông báo tới Chủ tịch của Nghị viện Châu Âu, Hội đồng và Ủy ban Châu Âu về quyết định của mình để từ chối một sáng kiến hay đề xuất, thông qua một thông báo bằng văn bản.

Ủy ban về các vấn đề của Liên minh Châu Âu

Điều 9

Quốc hội bầu trong số các đại biểu cho từng nhiệm kỳ bầu cử một Ủy ban về các vấn đề Liên minh Châu Âu để thảo luận với Chính phủ theo quy định tại Điều 10, Chương 10 Luật tổ chức Nhà nước.

Số thành viên của Ủy ban về các vấn đề của Liên minh châu Âu phải là số lẻ và không ít hơn mười lăm thành viên.

Tại các cuộc họp của Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu, mỗi nhóm đảng phái có đại diện tại Ủy ban có quyền được thay thế một thành viên của Ủy ban bằng một thành viên của một Ủy ban của Quốc hội mà phạm vi trách nhiệm bị ảnh hưởng bởi các vấn đề được xem xét thảo luận tại cuộc họp của Ủy ban với Chính phủ. Tuy nhiên, quyền này không áp dụng cho một nhóm đảng phái đã có một thành viên là thành viên hoặc một thành viên dự khuyết của Ủy ban đồng thời cũng là thành viên của Ủy ban của Quốc hội có liên quan.

Điều khoản bổ sung

10.9.1

Quy mô của Ủy ban về các vấn đề của Liên minh châu Âu được Quốc hội xác định theo đề nghị của Ủy ban Đề cử.

Nghĩa vụ của Chính phủ trong việc thông báo và tham khảo ý kiến của Ủy ban về các vấn đề Liên minh Châu Âu

Điều 10

Chính phủ phải thông báo với Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu về các vấn đề sẽ được quyết định bởi Hội đồng Liên minh Châu Âu. Chính phủ cũng có trách nhiệm tham khảo ý kiến Ủy ban về việc tiến hành đàm phán ở Hội đồng trước khi Hội đồng có quyết định.

Chính phủ thảo luận với Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu về các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Liên minh Châu Âu, nếu có yêu cầu của Ủy ban dựa vào những cơ sở đặc biệt. Chính phủ phải tham khảo ý kiến của Ủy ban trước cuộc họp với Hội đồng Châu Âu.

Các phiên họp của Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu

Điều 11

Các phiên họp của Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu là các phiên họp kín. Tuy nhiên, Ủy ban có thể cho phép tiến hành một phiên họp công khai, toàn bộ hoặc một phần. Ủy ban cũng có thể cho phép những người không phải là thành viên của Ủy ban, thành viên dự khuyết, một Bộ trưởng hoặc các quan chức đi kèm với Bộ trưởng hoặc các quan chức của Ủy ban khác dự các phiên họp kín. Trong thời gian họp công khai, đại diện của cơ quan thuộc Chính phủ không có nghĩa vụ phải cung cấp thông tin thuộc đối tượng của các nguyên tắc về bảo mật tại cơ quan mình.

Điều khoản bổ sung

10.11.1

Theo triệu tập của Chủ tịch Quốc hội, cuộc họp đầu tiên của Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu được tổ chức trong vòng hai ngày sau khi được bầu. Sau đó, Ủy ban sẽ họp theo quyết định triệu tập của Chủ nhiệm ủy ban. Chủ nhiệm Ủy ban sẽ triệu tập Ủy ban nếu có yêu cầu của ít nhất 5 thành viên của Ủy ban.

Phiên họp sẽ được thông báo đến từng thành viên và các thành viên dự khuyết. Trong trường hợp có thể, thông báo về phiên họp phải được niêm yết ở

Tòa nhà Quốc hội không muộn hơn 6 giờ chiều vào ngày trước ngày diễn raphien họp.

10.7.2

Trước khi bầu Chủ nhiệm ủy ban, thành viên có thâm niên lâu nhất làm đại biểu Quốc hội trong số các thành viên của Ủy ban sẽ điều khiển hoạt động của Ủy ban. Trong trường hợp có hai hoặc nhiều hơn hai thành viên của Quốc hội có cùng thâm niên thì đại biểu lớn tuổi nhất sẽ điều khiển hoạt động của Ủy ban.

10.11.3

Việc ghi âm hay ghi hình có thể được thực hiện tại phần công khai trong cuộc họp của Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu trừ khi Ủy ban có quy định khác.

10.11.4

Những chỗ ngồi đặc biệt được cung cấp cho công chúng tại phần công khai của cuộc họp của Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu. Bất kỳ công dân nào gây mất trật tự có thể bị buộc ra ngoài ngay lập tức. Trường hợp có tình trạng mất trật tự xảy ra tại khu vực dành cho công chúng, Chủ nhiệm Ủy ban có thể buộc tất cả những người này ra khỏi phiên họp.

Những người tham dự phần công khai trong phiên họp của Ủy ban được yêu cầu phải gửi lại áo khoác ngoài, túi xách, các vật dụng tương tự và bất kỳ các vật thể nào có thể gây ra các vụ lộn xộn trong phiên họp trong thời gian họ có mặt ở phòng họp. Bất kỳ người nào không thực hiện yêu cầu này thì không được phép tham dự phiên họp.

Các điều khoản liên quan đến việc kiểm soát an ninh được quy định trong Luật về kiểm soát an ninh tại Quốc hội (SFS 1988:144)Nghĩa vụ bảo mật trong Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu

Điều 12

Khi không được phép, các thành viên, thành viên dự khuyết và các nhân viên của Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu không được phép tiết lộ bất cứ vấn đề nào mà Chính phủ hoặc Ủy ban cho là bí mật vì lý do an ninh của Vương quốc hoặc vì các lý do đặc biệt quan trọng khác phát sinh từ quan hệ với quốc gia khác hoặc với các tổ chức quốc tế.

Biên bản các phiên họp của Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu

Điều 13

Các phiên họp của Ủy ban các vấn đề Liên minh Châu Âu đều được lưu giữ trong các biên bản họp. Các phát biểu tại phiên họp trong quá trình Ủy ban thảo luận với Chính phủ được ghi tại các biên bản tốc ký.

Điều khoản chuyển tiếp

Điều khoản chuyển tiếp 1974

1. Luật Tổ chức Quốc hội này thay thế cho Luật Tổ chức Quốc hội trước đây.

Điều khoản chuyển tiếp liên quan đến các sửa đổi năm 2010.

Đạo luật này có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2011 đối với các điều khoản bổ sung 4.6.9 và 4.6.11 và các điều khoản khác vào ngày 01 tháng 08 năm 2010.

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Thư viện Quốc hội



Văn phòng Quốc hội

22 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội

Email: thuvienquochoi@gmail.com hoặc thuvienquochoi@qh.gov.vn

- **Trong kỳ họp:**

Điện thoại: 080.41452 hoặc 080.41457

Fax: 080. 44217

- **Ngoài kỳ họp:**

Điện thoại: 080.46019 • Fax: 080.48278